



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

24

Tháng 12 - 2020

HỘI NGHỊ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 5 NĂM (2016 - 2020) VÀ ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 5 NĂM (2021 - 2025)

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2020



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cùng các đại biểu dự Hội nghị

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MỘT

24

SỐ 24 - 12/2020



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp 5
- Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 5
- Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành 9

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh 11
- UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quy định quản lý cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh 13
- UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh 16

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

BẠCH MINH TUẤN

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Đề tài KHCN do Viện Kinh tế xây dựng thực hiện 18
- Nghiệm thu Đề tài khoa học công nghệ do trường Cao đẳng Xây dựng số 1 thực hiện 19
- Nghiệm thu các Nhiệm vụ khoa học công nghệ do Viện Vật liệu xây dựng thực hiện 21
- Nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ do VIUP thực hiện 22
- Nghiệm thu Nhiệm vụ khoa học công nghệ do Viện Khoa học công nghệ xây dựng thực hiện 24
- Nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ do Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thực hiện 25
- Các phương pháp đánh giá hiệu quả môi trường khi ứng dụng vật liệu cách nhiệt 27
- Kiểm soát chất lượng công trình kết cấu thép tại Trung Quốc 30

Thông tin

- Hội thảo tham vấn “Kết quả xây dựng đường tiêu thụ năng lượng đặc trưng, định mức năng lượng, chứng nhận hiệu quả sử dụng năng lượng trong công trình thương mại” 33
- Hội nghị cấp cao Mạng lưới đô thị thông minh ASEAN - Nhật Bản lần thứ 2 35
- Tiêu chuẩn chất lượng không khí trong nhà ở và nhà công cộng 36
- Thẩm định Đề án công nhận thị trấn Mỏ Cà và khu vực mở rộng (tỉnh Bến Tre) đạt tiêu chí đô thị loại IV 38
- Góp ý cho dự thảo Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Xây dựng giai đoạn 2021 - 2030 39
- Hội nghị Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 5 năm (2016 - 2020) và định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 5 năm (2021 - 2025) 41
- Xe bus điện tại các thành phố thông minh - xu hướng giao thông công cộng xanh 44
- Thực tiễn phân loại rác thải sinh hoạt tại nông thôn Trung Quốc 46



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, Chính phủ đã có Nghị định số 146/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp như sau:

“Điều 5. Hạng đất tính thuế

Kéo dài thời hạn thực hiện hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2020.

Trường hợp địa phương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định thì thực hiện theo quy định đó đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025”.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, Chính phủ đã có Nghị định số 148/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 5 như sau:

“c) Kinh phí hoạt động của Văn phòng đăng

ký đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Khi Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp các dịch vụ thì người yêu cầu cung cấp dịch vụ có trách nhiệm chi trả chi phí cho việc được cung cấp dịch vụ đó. Đối với thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, người yêu cầu cung cấp dịch vụ có trách nhiệm trả phí thẩm định hồ sơ và thẩm định các điều kiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; trả chi phí đối với các công việc còn lại của thủ tục theo giá cung cấp dịch vụ công do UBND cấp tỉnh ban hành.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực đất đai bao gồm:

- a) Điều tra, đánh giá đất đai; cải tạo đất;
- b) Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- c) Đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đăng ký, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- d) Tư vấn xác định giá đất;
- đ) Đấu giá quyền sử dụng đất;
- e) Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
- g) Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai, thông tin về thị trường quyền sử dụng đất và thông tin khác về đất đai;
- h) Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đất đai theo nhu cầu về thời gian và địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ;
- i) Các dịch vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện; kế hoạch sử dụng đất quốc phòng; kế hoạch sử dụng đất an ninh

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh:

- a) UBND cấp tỉnh gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định;
- b) Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất đến các thành viên của Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất để lấy ý kiến.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ;

c) Trường hợp cần thiết, trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là khu vực chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

d) Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các thành viên Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất gửi ý kiến góp ý bằng văn bản đến Bộ Tài nguyên và Môi trường;

đ) Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến góp ý, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất và gửi Thông báo kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất đến UBND cấp tỉnh;

e) Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất, UBND cấp tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ kế hoạch sử dụng đất gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

g) Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh.

2. Nội dung thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh:

- a) Mức độ phù hợp của kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch tỉnh;
- b) Mức độ phù hợp của kế hoạch sử dụng

đất với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo quốc phòng, an ninh; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực;

c) Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của các công trình, dự án đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất kỳ trước;

d) Tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất: Tính phù hợp của các giải pháp với tình hình thực tế của địa phương; nguồn lực và khả năng huy động vốn để thực hiện kế hoạch.

4. Bổ sung Điều 9a như sau:

“Điều 9a. Trách nhiệm tổ chức lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh

1. Cơ quan được giao lập quy hoạch tỉnh có trách nhiệm gửi các tài liệu, số liệu kết quả sau đây về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh (sau đây gọi là phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh):

a) Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt;

b) Báo cáo kết quả thu thập và xử lý tài liệu, số liệu; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và của cấp huyện;

c) Kết quả phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương;

d) Kết quả đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

đ) Định hướng về quan điểm và mục tiêu phát triển của tỉnh; phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh;

e) Phương án bố trí không gian các dự án, công trình quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy

hoạch cấp vùng trên địa bàn tỉnh; dự thảo phương án kết nối hệ thống hạ tầng của tỉnh với hệ thống hạ tầng quốc gia và vùng; dự thảo phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh:

a) Tổng hợp, phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và của UBND cấp huyện;

b) Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước và tiềm năng đất đai;

c) Xây dựng định hướng sử dụng đất của tỉnh tầm nhìn 30 năm;

d) Xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh.

Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất, bao gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng gồm khu sản xuất nông nghiệp, khu lâm nghiệp, khu du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu phát triển công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại - dịch vụ, khu dân cư nông thôn.

Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

Xác định diện tích các loại đất cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thực hiện trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa

vào sử dụng trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; lập bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Kinh phí để Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc xây dựng, lấy ý kiến góp ý phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh được xác định trong kinh phí quy hoạch tỉnh.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và cấp huyện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

2. UBND cấp tỉnh chỉ đạo, kiểm tra UBND cấp huyện, cấp xã xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên ngoài thực địa.

UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc bảo vệ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia, cấp tỉnh và giám sát các địa phương, các bộ, ngành trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4. Trường hợp đến thời điểm kết thúc kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết thì được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo được phê duyệt.

Trường hợp quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập đồng thời với việc lập quy hoạch tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập và thẩm định xong trước thì trình UBND cấp tỉnh

phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, nếu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh cho phù hợp.

Trường hợp kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh chưa được phê duyệt thì UBND cấp huyện căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt để tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình UBND cấp tỉnh phê duyệt và tích hợp vào kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh để đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

5. Giải quyết việc sử dụng đất khi chấm dứt chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 82/2019/NQ14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội mà chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

a) Khi chấm dứt chủ trương đầu tư dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà đã có văn bản thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đã thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì giao Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý diện tích đất thu hồi theo quy định. Trường hợp đã thực hiện chi trả một phần tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì giao Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiếp tục thực hiện chi trả phần còn lại theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt theo quy định. Nhà nước hoàn trả cho chủ đầu tư số tiền đã ứng trước để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) khi lựa chọn được chủ đầu tư khác.

Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà chưa chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì giao Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt theo quy định.

Trường hợp có văn bản thông báo thu hồi đất nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, quyết

định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì văn bản thông báo thu hồi đất, tên dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được phê duyệt hết hiệu lực kể từ ngày chấm dứt chủ trương đầu tư;

b) Khi chấm dứt chủ trương đầu tư dự án có sử dụng đất do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp mà chủ đầu tư chưa thực hiện nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định thì văn bản cho phép chủ đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hết hiệu lực thực hiện

kể từ ngày chấm dứt chủ trương đầu tư.

6. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm căn cứ hiện trạng sử dụng đất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương để chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, rà soát việc sử dụng đất tại vị trí đã có văn bản chấm dứt chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 5 Điều này.”

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2021.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Ngày 19 tháng 12 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 36/2020/QĐ-TTg bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật

- Quyết định số 93/1999/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với kiểm soát viên đề điều tham gia trực tiếp xử lý sự cố khi có báo động lụt, bão.

- Quyết định số 150/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005 và Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg về quản lý việc thu các chương trình truyền hình của nước ngoài.

- Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 - tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

- Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31

tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

- Quyết định số 10/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

- Quyết định số 131/2007/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

- Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ, xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

- Quyết định số 76/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 81/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu nhận, lưu trữ; xử lý, khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

- Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015.

- Quyết định số 58/2012/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ.

- Chỉ thị số 08/1998/CT-TTg ngày 18 tháng 02 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về tổng kết 5 năm thi hành Luật Đất đai.

- Chỉ thị số 10/1998/CT-TTg ngày 20 tháng 02 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh và hoàn thành việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

- Chỉ thị số 18/1999/CT-TTg ngày 01 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp đẩy mạnh việc hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất ở nông thôn vào năm 2000.

- Chỉ thị số 16/2002/CT-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác cát, sỏi và nạo vét kết hợp tận thu cát, sỏi

lòng sông.

- Chỉ thị số 24/2003/CT-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

- Chỉ thị số 05/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2003.

- Chỉ thị số 05/2006/CT-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc khắc phục yếu kém, sai phạm, tiếp tục đẩy mạnh tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Chỉ thị số 09/2007/CT-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý sử dụng đất của các quy hoạch và dự án đầu tư.

- Chỉ thị số 29/2007/CT-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cải cách hành chính trong công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, công dân.

- Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê quỹ đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Chỉ thị số 18/2008/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, chấn chỉnh hoạt động khai thác các mỏ đá nhằm đảm bảo an toàn trong khai thác.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh**

Ngày 13/11/2020 UBND tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Ngoài các nội dung tại Quy định này thì việc quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình phải tuân theo các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan: Sở, Ban, Ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) và chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Nguyên tắc quản lý sử dụng và phân công, phân cấp

- Quy định rõ về các hoạt động quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và trách nhiệm của các cơ quan, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi công xây dựng công

trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Phân định rõ trách nhiệm, nâng cao tính chủ động, sự phối hợp chặt chẽ trong quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình của các Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện.

4. Điều kiện lắp đặt, sử dụng cần trục tháp

- Có đầy đủ hồ sơ kỹ thuật gốc của cần trục tháp, lí lịch thiết bị theo quy định tại Mục 1.3.2 và Mục 3.5.1.5 của QCVN 07:2012/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thiết bị nâng (sau đây gọi tắt là QCVN 07:2012/BLĐTBXH).

- Có hồ sơ đánh giá hợp quy, công bố hợp quy của cần trục tháp.

- Có hồ sơ khảo sát vị trí dự kiến lắp đặt; thiết kế lắp đặt cần trục tháp tại vị trí dự kiến lắp đặt, phải được tính toán đảm bảo an toàn chịu lực, ổn định khi sử dụng của cần trục tháp được quy định tại Mục 1.4.1 và Mục 1.5.7.1.7 của TCVN 4244:2005 Thiết bị nâng - Thiết kế, chế tạo và kiểm tra kỹ thuật.

- Có quy trình an toàn trong tháo, lắp và các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong sử dụng cần trục tháp trên công trường được quy định tại Mục 2.12, Mục 3.5 của QCVN 29:2016/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với cần trục (sau đây gọi tắt là QCVN 29:2016/BLĐTBXH); Mục 2.6.1.2 của QCVN 18:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng (sau

đây gọi tắt là QCVN 18:2014/BXD).

- Có phương án đảm bảo an toàn cần trực tháp trong điều kiện mưa bão, đảm bảo khả năng chịu lực và ổn định bao gồm:

+ Trường hợp dự báo tốc độ gió bão trong giới hạn cho phép theo thiết kế của cần trực tháp phải có biện pháp, tiến độ hạ cần trực xuống sát tầng thi công gần nhất, tháo dỡ đối trọng và neo giằng thân tháp, tay cần cố định vào công trình đang thi công đảm bảo an toàn tuyệt đối.

+ Trường hợp dự báo tốc độ gió bão lớn hơn tốc độ gió cho phép theo thiết kế của cần trực tháp phải có biện pháp, tiến độ tháo dỡ đối trọng, tay cần của cần trực tháp, neo giằng thân tháp cố định vào công trình đang thi công hoặc tháo dỡ thân tháp trong trường hợp không có khả năng neo giằng thân tháp vào công trình đảm bảo an toàn tuyệt đối.

- Có mua bảo hiểm cho cần trực tháp và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.

- Có Giấy phép sử dụng đất, công trình công cộng, hợp đồng thuê đất hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền đối với vị trí đặt móng cần trực tháp trong trường hợp móng cần trực tháp được xây dựng ngoài phạm vi công trường.

- Đảm bảo phù hợp theo các quy định về quản lý độ cao công trình và chướng ngại vật phải được cảnh báo hàng không được quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

5. Sử dụng an toàn cần trực tháp

- Lắp đặt, sử dụng cần trực tháp đảm bảo an toàn theo đúng quy trình và các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trên công trường đã được phê duyệt.

- Thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lần đầu, kiểm định định kỳ và các trường hợp khác theo quy định tại QCVN 07:2012/BLĐTBXH.

Kiểm định kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng lần đầu, kiểm định định kỳ và kiểm định bất thường theo quy định tại QTKĐ:01-2016/BXD Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn cần trực tháp trong thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 29/2016/TT-BXD.

- Khi cần trực tháp hoạt động, bất kỳ trường hợp nào cũng phải bố trí người đánh tín hiệu. Đơn vị sử dụng phải quy định và tổ chức thực hiện hệ thống trao đổi tín hiệu giữa người buộc móc tải với người điều khiển cần trực. Tín hiệu sử dụng phải được quy định cụ thể và đảm bảo không thể lẫn được với các tín hiệu khác ở xung quanh (trong trường hợp sử dụng thiết bị vô tuyến điện để liên lạc, đánh tín hiệu thì phải đăng ký sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện với cơ quan chức năng có thẩm quyền, đồng thời sử dụng tần số riêng đối với bộ phận quản lý và vận hành cần trực tháp) được quy định tại Mục 3.5.2.7 và Mục 3.5.2.8 của QCVN 29:2016/BLĐTBXH.

- Trường hợp trong quá trình hoạt động các bộ phận của cần trực tháp như cần, đối trọng, tải có phạm vi vận hành phía trên đường giao thông thì không được phép vận hành cần trực trong giờ giao thông đông người (buổi sáng từ 6 giờ 00 phút đến 8 giờ 00 phút, buổi trưa từ 11 giờ 00 phút đến 14 giờ 00 phút, buổi chiều từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút). Trường hợp cần thiết phải hoạt động trong khung giờ nêu trên và trường hợp đặc biệt khác phải được cơ quan chức năng hỗ trợ điều tiết giao thông đảm bảo an toàn và phải áp dụng các biện pháp chủ động ngăn ngừa vật rơi, biện pháp bảo vệ an toàn cho người và phương tiện giao thông phía dưới được quy định tại Bảng 1 của QCVN 18:2014/BXD.

6. Điều kiện lắp đặt, sử dụng máy vận thăng

- Có đầy đủ hồ sơ kỹ thuật của thiết bị theo quy định tại Mục 3.1 của QCVN 16:2013/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy vận thăng.

- Có hồ sơ quy định về quản lý an toàn lao động trong lưu thông, lắp đặt và sử dụng thiết bị máy vận thăng phù hợp với quy định tại Mục 3 của QCVN 07:2012/BLĐTBXH và quy định tại Mục 3 của QCVN 16:2013/BLĐTBXH.

- Có hồ sơ khảo sát vị trí dự kiến lắp đặt, thiết kế lắp đặt máy vận thăng tại vị trí dự kiến lắp đặt, phải được tính toán đảm bảo an toàn chịu lực, ổn định khi sử dụng máy vận thăng.

- Có mua bảo hiểm cho máy vận thăng và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.

- Có phương án đảm bảo an toàn máy vận thăng trong điều kiện mưa bão.

7. Điều kiện lắp đặt, sử dụng máy vận thăng

- Có đầy đủ hồ sơ kỹ thuật của thiết bị theo quy định tại Mục 3.1 của QCVN 16:2013/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy vận thăng (sau đây gọi tắt là QCVN 16:2013/BLĐTBXH). Lý lịch thiết bị được lập theo mẫu Phụ lục 03 của QTKĐ:02-

2016/BXD Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn máy vận thăng trong thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 29/2016/TT-BXD.

- Có hồ sơ quy định về quản lý an toàn lao động trong lưu thông, lắp đặt và sử dụng thiết bị máy vận thăng phù hợp với quy định tại Mục 3 của QCVN 07:2012/BLĐTBXH và quy định tại Mục 3 của QCVN 16:2013/BLĐTBXH.

- Có hồ sơ khảo sát vị trí dự kiến lắp đặt, thiết kế lắp đặt máy vận thăng tại vị trí dự kiến lắp đặt, phải được tính toán đảm bảo an toàn chịu lực, ổn định khi sử dụng máy vận thăng.

- Có mua bảo hiểm cho máy vận thăng và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.

- Có phương án đảm bảo an toàn máy vận thăng trong điều kiện mưa bão.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2020.

**Xem toàn văn tại
(www.thainguyen.gov.vn)**

UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quy định quản lý cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, UBND tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ban hành quy định quản lý cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng, giấy phép xây dựng có thời hạn, thu hồi và hủy giấy phép xây dựng; quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

b) Các nội dung khác liên quan đến việc cấp giấy phép xây dựng không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Xây dựng ngày 18 tháng

6 năm 2014, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động đầu tư xây dựng; tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình phải thực hiện theo Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Công trình được miễn giấy phép xây dựng

- Công trình được miễn giấy phép xây dựng được quy định Khoản 30, Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Các công trình khác được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Giấy phép xây dựng có thời hạn

- Đảm bảo điều kiện theo quy định tại Khoản 33, Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Phù hợp với mục đích sử dụng đất được xác định tại giấy tờ hợp pháp về đất đai của người đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn và quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Đối với công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì không cấp giấy phép xây dựng có thời hạn cho việc xây dựng mới mà chỉ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn để sửa chữa, cải tạo.

- Công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp phép xây dựng có thời hạn không được xây dựng tầng hầm; có số tầng không quá 02 tầng; chiều cao công trình không quá 9m; tổng diện tích sàn không quá 120m² đối với nhà ở riêng lẻ, diện tích sàn của công trình sẽ xem xét trên cơ sở tính chất của dự án; phải phù hợp với mục đích sử dụng đất hiện hữu, kiến trúc, cảnh quan trong khu vực và tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch, xây dựng; nền sử dụng kết cấu đơn giản, vật liệu nhẹ, dễ tháo dỡ. Trường hợp hiện trạng công trình, nhà ở riêng lẻ có sẵn (hiện hữu) đã có tầng hầm thì được xét cấp phép xây dựng, cải tạo gia cố lại tầng hầm nhưng không gây sụt lún, làm ảnh hưởng đối với công trình lân cận.

- Chủ đầu tư phải có đơn cam kết tự tháo dỡ công trình khi cơ quan có thẩm quyền quyết

định thu hồi đất để thực hiện quy hoạch; trường hợp không tự tháo dỡ thì bị cưỡng chế phá dỡ và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình. Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện quy hoạch áp dụng theo quy định hiện hành. Riêng phần xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn không được bồi thường. Trường hợp quá thời hạn này mà quy hoạch xây dựng chưa thực hiện được, chủ đầu tư được tiếp tục sử dụng công trình cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất. Việc hỗ trợ khi phá dỡ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn, khi hết thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng mà quy hoạch xây dựng có điều chỉnh kéo dài kế hoạch thực hiện thì cơ quan đã cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm thông báo về việc gia hạn thời gian tồn tại của công trình. Trường hợp chủ đầu tư tiếp tục có nhu cầu xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo thì thực hiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn theo thời hạn của quy hoạch xây dựng điều chỉnh.

- Khi Nhà nước xây dựng công trình công cộng, quốc phòng, an ninh có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn thì người sử dụng đất được bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất nếu chưa được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định hiện hành.

5. Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất để cấp giấy phép xây dựng

- Trong trường hợp giấy tờ về quyền sử dụng đất không có đầy đủ thông tin về ranh giới, kích thước và vị trí, diện tích đất trên lô đất thì phải kèm theo trích đo bản đồ địa chính do đơn vị được cấp phép hoạt động đo đạc địa chính lập và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

- Trong các trường hợp sau đây chủ đầu tư phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản về việc đã có đủ điều

kiện về quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để cấp giấy phép xây dựng:

+ Giấy tờ đã hết thời hạn (đối với giấy tờ có quy định thời hạn).

+ Có tranh chấp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình.

+ Ô đất xây dựng công trình (trừ nhà ở riêng lẻ) chưa giải phóng mặt bằng toàn bộ hoặc một phần.

- Các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng được thực hiện theo Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng.

- Trong trường hợp giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đang thế chấp quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu công trình: Chủ đầu tư phải được bên nhận thế chấp chấp thuận đầu tư vào tài sản thế chấp bằng văn bản (Khoản 1, Điều 27 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm).

6. Quản lý trật tự xây dựng đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng

- Việc quản lý trật tự xây dựng căn cứ vào quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, quy chế, quy định quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị, quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan. Đối với khu vực chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt ngoài căn cứ vào quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan còn căn cứ vào Quy định về quản lý quy hoạch, kiến trúc để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng do UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện ban hành.- Nội dung quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình

được miễn giấy phép xây dựng là kiểm tra sự tuân thủ quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị (nếu có), Quy chế hoặc Quy định về quản lý quy hoạch, kiến trúc và nội dung văn bản chấp thuận khởi công. Đối với trường hợp thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thì nội dung quản lý xây dựng là kiểm tra sự tuân thủ thiết kế đã được thẩm định và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Công trình được miễn giấy phép xây dựng nhưng phải tuân thủ thực hiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng và các thủ tục liên quan khác theo quy định.

7. Quản lý trật tự xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ miễn giấy phép xây dựng

- Trước khi thiết kế, chủ đầu tư cần liên hệ UBND cấp huyện nơi xây dựng nhà ở để được cung cấp thông tin quy hoạch tại khu đất làm cơ sở thiết kế nhà ở (như thông tin về hành lang bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, lộ giới giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh...).

- Nhà ở được khởi công xây dựng sau khi có thông báo của UBND cấp huyện về việc chấp thuận khởi công xây dựng nhà ở hoặc sau 07 ngày kể từ ngày nộp thông báo khởi công nhưng UBND cấp huyện không ban hành thông báo về việc chấp thuận khởi công xây dựng nhà ở và chủ đầu tư được khởi công xây dựng theo hồ sơ đã gửi kèm thông báo cho UBND huyện.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2020.

Xem toàn văn tại (www.hoabinh.gov.vn)

UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, UBND tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ban hành quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm quản lý, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng; cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham gia phối hợp trong công tác quản lý trật tự xây dựng; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình phải tuân thủ Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Nguyên tắc chung

- Công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh phải được thường xuyên kiểm tra, giám sát từ khi khởi công đến khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Vi phạm về trật tự xây dựng phải được phát hiện kịp thời, ngăn chặn và xử lý dứt điểm ngay từ khi mới phát sinh, đảm bảo đúng quy trình, công khai, minh bạch. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục triệt để theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng nhưng thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, buông lỏng quản lý hoặc có dấu hiệu bao che, tiếp tay cho các vi phạm trật tự xây dựng thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm bị xử lý hành chính, bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức hoặc truy cứu

trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo các quy định của pháp luật.

- Nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan tham gia mối quan hệ phối hợp phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm không chồng chéo trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm; phối hợp, hỗ trợ hoạt động thanh tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm, công trình vi phạm về trật tự xây dựng theo thẩm quyền. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chức năng phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết trên cơ sở thẩm quyền của mỗi cơ quan đã được pháp luật quy định và yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết, Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định.

Nội dung phối hợp về quản lý trật tự xây dựng

a) Phối hợp thanh tra, kiểm tra và xử lý đối với công trình đã được cấp giấy phép xây dựng hoặc thiết kế xây dựng được thẩm định hoặc phê duyệt theo quy định

- Đối với công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định đầu tư (trừ công trình thuộc bí mật Nhà nước; công trình quốc phòng, an ninh; công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp; công trình nằm trên địa bàn của hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên) hoặc công trình xây dựng đã được Bộ Xây dựng thẩm định hoặc Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc Sở Xây dựng thẩm định (miễn giấy phép xây dựng) hoặc cấp phép xây dựng:

+ Thanh tra Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với

Phòng chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã nơi có công trình xây dựng thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm thì lập hồ sơ vi phạm và trình Chánh Thanh tra Sở Xây dựng xử lý vi phạm theo quy định. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì trình Chủ tịch UBND tỉnh để xử lý theo quy định.

- Đối với công trình đã được UBND cấp huyện cấp phép xây dựng hoặc đã được Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND cấp huyện giao cơ quan chức năng trực thuộc chủ trì, phối hợp cùng UBND cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra phát hiện kịp thời tham mưu xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn do mình quản lý theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì trình Chủ tịch UBND tỉnh để xử lý theo quy định. Thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện xử lý vi phạm.

b) Phối hợp thanh tra, kiểm tra và xử lý công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng

c) Phối hợp thực hiện các Quyết định xử lý vi phạm hành chính

d) Trách nhiệm phối hợp thực hiện quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm

- Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế đối với các công trình vi phạm

trật tự xây dựng theo thẩm quyền. Trường hợp công trình xây dựng vi phạm vượt quá thẩm quyền, UBND cấp xã phải gửi hồ sơ lên Chủ tịch UBND cấp huyện để ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ theo quy định.

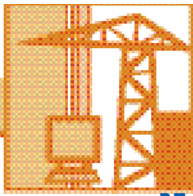
- Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình vi phạm theo thẩm quyền, đồng thời chỉ đạo tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng vi phạm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành quyết định cưỡng chế đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng trong trường hợp UBND cấp huyện không ban hành quyết định kịp thời, đồng thời kiến nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý Chủ tịch UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân được phân công quản lý trật tự xây dựng để xảy ra vi phạm.

- Gửi quyết định cưỡng chế đến cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan và thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Xem toàn văn tại (www.hoabinh.gov.vn)



Nghiệm thu Đề tài KHCN do Viện Kinh tế xây dựng thực hiện

Ngày 17/12/2020, Bộ Xây dựng đã họp Hội đồng Tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ “Nghiên cứu xây dựng định mức dự toán của các công tác dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng”, mã số RD 52-18, do Viện Kinh tế xây dựng thực hiện. Ông Nguyễn Quang Minh - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo Hội đồng, Ths. Nguyễn Anh Khoa chủ nhiệm đề tài cho biết: trong những năm qua, dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng được đầu tư và cung ứng theo hình thức xã hội hóa với sự tham gia tích cực của khu vực kinh tế tư nhân. Trên cơ sở quy định việc xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ, nhiều địa phương đã ban hành các quy định chi tiết việc quản lý, khai thác dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng. Theo đó, ngoài các quy định có liên quan đến việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, quy định quản lý của địa phương còn quy định cơ chế xác định, thẩm định, phê duyệt phương án giá của các dịch vụ này.

Hiện nay, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng. Tuy nhiên, khi xác định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng yêu cầu cần phải có các định mức do cơ quan có thẩm quyền công bố, bao gồm định mức dự toán cho một số công tác của dịch vụ nghĩa trang và một số công tác của dịch vụ hỏa táng. Ngoài ra, quá trình lập, thẩm định và phê duyệt các dự án xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng còn vướng mắc khi không có cơ sở để đánh giá các hao phí thực hiện các loại dịch vụ này. Chính vì



Toàn cảnh cuộc họp Hội đồng nghiệm thu

vậy, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng định mức dự toán của các công tác dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng” làm cơ sở định giá dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng là cần thiết.

Sản phẩm của đề tài gồm có báo cáo kết quả thực hiện đề tài và dự thảo Quyết định của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán hao phí và khung mức chi phí công tác dịch vụ nghĩa trang và dịch vụ hỏa táng.

Từ cơ sở lý luận và các nghiên cứu tổng quan, kết hợp với đánh giá hiện trạng tình hình quản lý công tác dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng, nhóm đề tài đã nghiên cứu, đề xuất các định mức dự toán và khung mức chi phí liên quan đến việc thực hiện công tác dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng. Cụ thể, nhóm đưa ra định mức dự toán dịch vụ nghĩa trang; định mức dự toán dịch vụ hỏa táng; khung mức chi phí (cho các dịch vụ vận chuyển linh cữu, tổ chức tang lễ; bảo quản, lưu trữ tro cốt, chăm sóc, tu sửa mộ...).

Nhận xét về kết quả thực hiện đề tài, hai ủy viên phản biện là Ths. Trương Thị Thu Thanh - Phó Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng và Ths. Nguyễn Lan Anh - Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị và

nông thôn cùng các thành viên Hội đồng đánh giá: đề tài có tính thực tiễn cao, được nghiên cứu nghiêm túc, có chất lượng tương đối tốt, trình bày rõ ràng, đáp ứng cơ bản các nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, để đề tài có giá trị lý luận và thực tiễn cao hơn, Hội đồng đề nghị nhóm tác giả nghiên cứu hoàn chỉnh thêm một số nội dung như: bổ sung nội dung phân tích, tổng hợp số liệu khảo sát vào phương pháp nghiên cứu; bổ sung các căn cứ pháp lý làm cơ sở đề xuất các định mức dự toán và khung mức chi phí (Nghị định 23/2016/NĐ-CP về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Nghị định 98/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ

thuật...); phân tích làm rõ các căn cứ đề xuất khung mức chi phí áp dụng chung trên cơ sở số liệu thống kê tại các địa phương, các văn bản pháp lý hiện hành; nên đưa thêm những đánh giá tác động môi trường và nội dung xử lý nước thải cho nghĩa trang.

Hội đồng đã nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Khá, và đề nghị nhóm tác giả rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp, sớm hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Xây dựng công bố/ban hành định mức dự toán, định mức chi phí dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu Đề tài khoa học công nghệ do trường Cao đẳng Xây dựng số 1 thực hiện

Ngày 17/12/2020, tại Hà Nội, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp đánh giá, nghiệm thu Đề tài khoa học công nghệ do trường Cao đẳng Xây dựng số 1 thực hiện, với nội dung “Nghiên cứu xây dựng mô hình phòng thực hành phục vụ công tác đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp”. TS. Phạm Bá Hùng - Hàm Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Báo cáo kết quả thực hiện đề tài trước Hội đồng, ThS. Nguyễn Thạc Nghĩa - chủ nhiệm đề tài cho biết: trong thời đại hội nhập quốc tế mạnh mẽ như hiện nay, mô hình thực hành trong các cơ sở đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp là đặc biệt cần thiết, nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo.

Khi áp dụng vào giảng dạy, mô hình phòng thực hành sẽ giúp giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy, rèn luyện kỹ năng, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, đồng thời tạo



T toàn cảnh cuộc họp

điều kiện để sinh viên làm quen với môi trường lao động thực tế, tích lũy các kỹ năng cần thiết phục vụ yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng mô hình phòng thực hành phục vụ công tác đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp, đồng thời tiến hành điều tra xã hội học về phương pháp, nội dung thực hành đối với cả sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên.

Kết thúc quá trình thực hiện, nhóm nghiên cứu hoàn thành đầy đủ các sản phẩm theo hợp đồng, gồm có bản vẽ thiết kế mẫu phòng thực hành; đề cương chi tiết, tài liệu hướng dẫn thực hành, video quy trình thi công, mô hình 3D, mô hình thực tế kiến trúc thi công.

Theo báo cáo, về cơ sở trang thiết bị, phòng thực hành cần trang bị hệ thống thiết bị, tài liệu và các mô hình, cụ thể là bảng ghim di động, máy tính, máy chiếu, tài liệu hướng dẫn thực hành, hồ sơ đánh giá kết quả thực hành của sinh viên, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công các công trình thực tế, phim ảnh thực tế thi công, mô hình 3D bằng các phần mềm, mô hình thực tế thu nhỏ... Tùy theo điều kiện thực tế của từng cơ sở đào tạo, quy mô phòng thực hành có thể thay đổi, song cần đảm bảo diện tích tối thiểu 4 - 6 m²/sinh viên.

Để nhân rộng mô hình phòng thực hành, đề tài kiến nghị nhà nước hỗ trợ chính sách, tài chính cho các cơ sở đào tạo xây dựng mô hình phòng thực hành, coi đây là yêu cầu bắt buộc nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học; tổ chức các hội thảo, tham quan để chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm về mô hình phòng thực hành, giúp các cơ sở đào tạo từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng đào tạo.

Các trường đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp tùy theo điều kiện thực tế của từng cơ sở, tiến hành triển khai phòng thực hành đảm bảo môi trường thuận lợi cho sinh viên rèn luyện, trau dồi kỹ năng, đáp ứng yêu cầu công việc sau khi ra trường.

Đối với các doanh nghiệp, đề tài kiến nghị tăng cường liên hệ với các cơ sở đào tạo để cung cấp thông tin và phản hồi kết quả đầu ra của quá trình đào tạo. Từ đó phối hợp với các

cơ sở đào tạo rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nội dung thực hành thiết kế các mô hình học tập phù hợp với thực tiễn.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng đánh giá nhóm nghiên cứu thuộc trường Cao đẳng số 1 đã có nhiều cố gắng trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, hoàn thành đầy đủ sản phẩm đề tài theo hợp đồng và đảm bảo chất lượng. Hồ sơ nghiệm thu tuân thủ đúng các quy định. Báo cáo tổng kết đề tài có hàm lượng thông tin đa dạng, được trình bày khoa học, logic, dễ hiểu.

Để nâng cao chất lượng báo cáo tổng kết và các sản phẩm đề tài, theo Hội đồng, nhóm nghiên cứu cần xem xét, bổ sung, cập nhật những nội dung liên quan đến vật liệu mới thân thiện môi trường, các thành tựu mới của cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như những nội dung liên quan đến phát triển đô thị thông minh, chuyển đổi số, công nghệ BIM... vào các chương trình thực hành, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của các doanh nghiệp ngành Xây dựng trong giai đoạn hội nhập hiện nay.

Kết luận cuộc họp, TS. Phạm Bá Hùng đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, tiếp thu những ý kiến đóng góp của các chuyên gia thành viên Hội đồng, sớm hoàn thiện báo cáo tổng kết và các sản phẩm đề tài, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình phòng thực hành phục vụ công tác đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp”, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu các Nhiệm vụ khoa học công nghệ do Viện Vật liệu xây dựng thực hiện

Ngày 18/12/2020, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học công nghệ “Nghiên cứu, rà soát hệ thống TCVN, QCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và đề xuất, kiến nghị”, do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Vật liệu xây dựng thực hiện. Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng Nguyễn Quang Hiệp - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Trình bày với Hội đồng nội dung, sự cần thiết của nhiệm vụ, ThS. Nguyễn Minh Quỳnh cho biết: nhiệm vụ có mục tiêu xây dựng đồng bộ và hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, đảm bảo hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

Nhóm nghiên cứu đã tham khảo nhiều tài liệu, rà soát, đánh giá thực trạng áp dụng TCVN, QCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trong nước và quốc tế, và áp dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học khác; qua đó nhận định: hệ thống TCVN, QCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng đã bao trùm hầu hết các nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng đang được sản xuất, sử dụng tại Việt Nam. Nội dung các tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp với điều kiện thực tiễn trong nước đồng thời tiếp cận với tiêu chuẩn của nhiều nước tiên tiến trên thế giới, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Xây dựng và hội nhập quốc tế. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Việt Nam hiện nay đang phát triển theo hướng hiện đại, một số sản phẩm đã được đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến và tiêu chuẩn sản phẩm đạt chất lượng hàng đầu thế giới. Các doanh nghiệp trong nước đã chú trọng



Toàn cảnh cuộc họp

đến các tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm soát chất lượng sản phẩm. QCVN 16:2017/BXD về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng đã bao trùm đầy đủ các vật liệu xây dựng cần kiểm soát chất lượng để đảm bảo an toàn trong sử dụng.

Bên cạnh những yếu tố tích cực, nhóm nghiên cứu cũng chỉ ra một số hạn chế của hệ thống TCVN, QCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng hiện nay. So với nhu cầu thực tiễn và hệ thống tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới, hệ thống TCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng vẫn thiếu nhiều tiêu chuẩn, thiếu tính đồng bộ. Trong một số nhóm sản phẩm vẫn còn tình trạng xây dựng tiêu chuẩn theo các tiêu chuẩn nước ngoài, có tiêu chuẩn sản phẩm nhưng chưa có tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu; trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm còn thiếu, lạc hậu, không đồng bộ, gây khó khăn cho việc xây dựng mới hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài.

Từ thực tế đó, nhóm đề xuất định hướng xây dựng hệ thống TCVN, QCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng theo từng giai đoạn từ nay đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh hệ thống TCVN, QCVN lĩnh vực vật liệu; đáp ứng được yêu cầu quản lý chất lượng sản phẩm của Nhà nước; phát triển sản phẩm vật liệu xây dựng của doanh nghiệp; bảo vệ quyền

lợi người tiêu dùng; hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

Nhóm cũng đề xuất, kiến nghị Bộ Khoa học và công nghệ phân loại và phân nhóm các TCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng đảm bảo hợp lý hơn, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước cũng như áp dụng vào sản xuất và tiêu dùng sản phẩm vật liệu xây dựng; đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm tiêu chuẩn hóa nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và các quy định của tiêu chuẩn.

Theo đánh giá của Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng, nhóm nghiên cứu thuộc Viện Vật liệu xây dựng đã hoàn thành đầy đủ các sản phẩm đề tài theo hợp đồng và đảm bảo chất lượng. Báo cáo tổng kết được thực hiện công phu, bố cục hài hòa, hợp lý với lượng thông tin đa dạng thể hiện đầy đủ thực trạng hệ thống TCVN, QCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, đồng thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị mang tính khả thi cao nhằm hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN về vật liệu xây dựng.

Nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tổng kết

và các sản phẩm đề tài, Hội đồng góp ý nhóm nghiên cứu cần bổ sung một số nội dung, bổ sung danh mục chữ viết tắt, đồng thời rà soát, biên tập và chỉnh sửa các lỗi chế bản, lỗi trình bày.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Nhiệm vụ khoa học công nghệ “Nghiên cứu, rà soát hệ thống TCVN, QCVN trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và đề xuất, kiến nghị”, với kết quả đạt loại Khá.

Cũng trong ngày 18/12/2020, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng đã họp đánh giá nghiệm thu và nhất trí thông qua 2 Nhiệm vụ khoa học công nghệ khác do các nhóm nghiên cứu thuộc Viện Vật liệu xây dựng thực hiện, bao gồm: “Tập huấn về chỉ dẫn kỹ thuật lĩnh vực vật liệu xây dựng, tiêu chuẩn lĩnh vực vật liệu xây dựng” và “Nghiên cứu, khảo sát, xây dựng báo cáo thành tựu khoa học công nghệ lĩnh vực vật liệu xây dựng trong nước và thế giới trong năm 2019”, với kết quả đều đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ do VIUP thực hiện

Ngày 21/12/2020, Bộ Xây dựng đã họp Hội đồng Tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ “Nghiên cứu điều chỉnh hướng dẫn và xây dựng sổ tay đánh giá môi trường chiến lược cho đồ án quy hoạch xây dựng”, do Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) thực hiện. Ông Nguyễn Công Thịnh - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo Hội đồng, TS.KTS Lưu Đức Minh chủ nhiệm đề tài cho biết: trong những năm qua, công tác lồng ghép bảo vệ môi trường trong đồ án quy hoạch xây dựng đã được quan

tâm ngày càng sâu rộng. Nhận thức và năng lực đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường của đội ngũ chuyên gia lập đồ án quy hoạch được nâng cao đáng kể. Các cấp thẩm định và ra quyết định về quy hoạch xây dựng cũng ngày càng quan tâm hơn đến các giải pháp bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững. Các vấn đề môi trường và giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường đã được nhận diện và đề xuất trong nhiều đồ án quy hoạch thông qua công tác đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC). Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trên thực tế, công tác lồng ghép bảo vệ môi trường trong quy hoạch

xây dựng chưa thực sự hiệu quả. Bên cạnh đó, việc thiếu các công cụ, hướng dẫn kỹ thuật cụ thể cũng hạn chế hiệu quả của công tác tư vấn ĐMC. Trong bối cảnh các vấn đề pháp lý về ĐMC có nhiều thay đổi trong những năm qua, việc thực hiện đề tài “Nghiên cứu điều chỉnh hướng dẫn và xây dựng sổ tay đánh giá môi trường chiến lược cho đồ án quy hoạch xây dựng” hết sức cần thiết.

Kết quả thực hiện đề tài gồm 3 sản phẩm chính: báo cáo tổng hợp; dự thảo Sổ tay hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược và bảo vệ môi trường trong đồ án quy hoạch xây dựng; báo cáo đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ĐMC và các yêu cầu bảo vệ môi trường (được ghép chung vào báo cáo tổng hợp).

Tại Hội đồng, các chuyên gia đã cùng trao đổi, thảo luận với nhóm nghiên cứu về nội dung các sản phẩm của đề tài. Theo đó, đề tài đã đánh giá tổng quan được các công cụ lồng ghép bảo vệ môi trường trong công tác quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị tại Việt Nam cũng như trên thế giới, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm về thực hiện ĐMC trong quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị cho Việt Nam. Nhóm tác giả đã rà soát khá đầy đủ các quy định của pháp luật về ĐMC cũng như quy trình, nội dung và phương pháp thực hiện ĐMC cho quy hoạch xây dựng, đồng thời đánh giá hiệu quả công tác thực hiện ĐMC hiện nay. Đề tài đã hướng dẫn tích hợp nội dung lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu cũng như phòng chống thiên tai vào trong một quy trình chung ĐMC; đưa nội dung phân vùng môi trường tích hợp vào trong quy hoạch xây dựng thông qua ĐMC; có nhiều kiến nghị điều chỉnh hướng dẫn ĐMC trước đây để phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn và pháp lý hiện hành. Từ đó nhóm tác giả đã xây dựng Sổ tay hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược cho đồ án quy hoạch xây dựng trên cơ sở điều chỉnh, bổ sung, tổng hợp các hướng dẫn trước đây; đưa ra những đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm



Toàn cảnh cuộc họp hội đồng nghiệm thu

pháp luật liên quan đến ĐMC trong quy hoạch xây dựng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng cũng đề nghị nhóm nghiên cứu bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung. Cụ thể, đối với báo cáo tổng hợp cần bổ sung nội dung phân tích, làm rõ quy định giữa các luật về quy hoạch xây dựng, bảo vệ môi trường đối với yêu cầu thực hiện ĐMC. Về các sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến ĐMC, còn thiếu sửa đổi bổ sung nội dung ĐMC trong luật quy hoạch đô thị, bổ sung nội dung ĐMC đề xuất sửa tại Nghị định 18/2015/NĐ-CP, NĐ 40/NĐ-CP; nhóm nghiên cứu cũng cần rà soát lại một số định nghĩa khái niệm về quy hoạch, liên quan đến quy hoạch đã được pháp luật hóa trong luật quy hoạch. Đối với Sổ tay hướng dẫn, cần cập nhật, hiệu chỉnh lại các giải thích từ ngữ đảm bảo phù hợp luật Quy hoạch 2017 để đảm bảo đúng quy phạm. Các hướng dẫn kỹ thuật đánh giá còn chưa phân biệt rõ giữa các loại hình quy hoạch, đặc thù quy hoạch; sử dụng từ ngữ còn chưa phổ quát, dẫn đến khả năng ứng dụng thực tế chưa cao.

Kết luận cuộc họp, Ông Nguyễn Công Thịnh tổng hợp lại ý kiến nhận xét của hai ủy viên phản biện là TS.KST. Trần Thị Lan Anh - Phó Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị và Ths.KTS Vũ Anh Tú - Phó Vụ trưởng Vụ Quy hoạch Kiến trúc (Bộ Xây dựng) cùng các thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm tác giả tiếp thu, chỉnh sửa

thêm để các sản phẩm đề tài hoàn thiện hơn. Ông Nguyễn Công Thịnh cũng đánh giá cao cố gắng, nỗ lực của nhóm nghiên cứu. Nhìn chung, kết quả đề tài đã đáp ứng yêu cầu theo đề cương được phê duyệt.

Đề tài “Nghiên cứu điều chỉnh hướng dẫn và xây dựng sổ tay đánh giá môi trường chiến lược

cho đồ án quy hoạch xây dựng” do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia thực hiện đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu, với kết quả đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu Nhiệm vụ khoa học công nghệ do Viện Khoa học công nghệ xây dựng thực hiện

Ngày 24/12/2020, tại Hà Nội, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức họp đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ khoa học công nghệ do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Khoa học công nghệ xây dựng (IBST) thực hiện. Nhiệm vụ xây dựng 4 tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN “Phương pháp luận xác định định mức hiệu suất năng lượng”, TCVN “Hiệu quả năng lượng của tòa nhà - Đánh giá hiệu quả năng lượng tổng thể của tòa nhà - Phần 1: Khung tổng quát và các quy trình”, TCVN “Hiệu quả năng lượng của tòa nhà - Các chỉ số, yêu cầu, xếp hạng và giấy chứng nhận - Phần 1: Các khía cạnh chung và áp dụng đối với hiệu quả năng lượng tổng thể”, TCVN “Quy tắc kỹ thuật chung về đo lường, tính toán và thẩm định tiết kiệm năng lượng của các dự án”. Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Nguyễn Công Thịnh - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Báo cáo với Hội đồng, thay mặt nhóm nghiên cứu, ThS. Nguyễn Sơn Lâm nêu rõ lý do, sự cần thiết của Nhiệm vụ, đồng thời cho biết, việc xây dựng các TCVN nêu trên nhằm phục vụ công tác kiểm soát tuân thủ các quy định của QCVN 09:2017/BXD về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đồng bộ hóa hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam theo hướng hội nhập quốc tế.

Theo ThS. Nguyễn Sơn Lâm, 4 tiêu chuẩn được biên soạn trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn gốc BS EN 16231:2012, ISO 52000-



Phó Vụ trưởng Nguyễn Công Thịnh kết luận cuộc họp

1:2017, ISO 52003-1:2017, ISO 17741:2016 và các tài liệu nước ngoài liên quan. Nhóm nghiên cứu cũng tham khảo các tiêu chuẩn Việt Nam để đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất các thuật ngữ, định nghĩa.

Đối với dự thảo TCVN “Phương pháp luận xác định định mức hiệu suất năng lượng”, nhóm nghiên cứu bổ sung phụ lục G do nhận thấy tiêu chuẩn gốc tuy đã xây dựng các bước tổng quát của quá trình xác định định mức hiệu suất năng lượng, song không đưa ra cách tính toán cụ thể định mức hiệu suất năng lượng cho các tòa nhà, do đó không thể xác định được định mức hiệu suất năng lượng cho các tòa nhà xây dựng mới. ThS. Nguyễn Sơn Lâm cho biết: việc bổ sung phụ lục này đồng thời tạo cơ sở để triển khai thực hiện TCVN “Hiệu quả năng lượng của tòa nhà - Các chỉ số, yêu cầu, xếp hạng và giấy chứng nhận - Phần 1: Các khía cạnh chung và

áp dụng đối với hiệu quả năng lượng tổng thể”.

Theo nhận xét của Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng, nhóm nghiên cứu đã có nhiều cố gắng trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ theo hợp đồng. Các bản dịch sát nghĩa và đảm bảo chất lượng. Hồ sơ nghiệm thu tuân thủ đúng các quy định. Hội đồng cũng nhất trí với việc bổ sung phụ lục G vào TCVN “Phương pháp luận xác định định mức hiệu suất năng lượng”.

Để nâng cao chất lượng báo cáo tổng kết và các dự thảo tiêu chuẩn, theo Hội đồng, nhóm nghiên cứu cần lưu ý sử dụng nhất quán thuật ngữ khoa học giữa các dự thảo tiêu chuẩn và với các tiêu chuẩn khác nằm trong hệ thống TCVN, Việt hóa tối đa trong quá trình biên dịch,

chỉnh sửa một số lỗi in ấn, chế bản, đánh máy.

Kết luận cuộc họp, Phó Vụ trưởng Nguyễn Công Thịnh đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp của các chuyên gia thành viên Hội đồng, sớm hoàn thiện báo cáo tổng kết và các dự thảo tiêu chuẩn, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu Nhiệm vụ Khoa học công nghệ do nhóm nghiên cứu thuộc IBST thực hiện, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ do Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thực hiện

Ngày 25/12/2020, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các nội dung liên quan đến công tác quản lý, sử dụng giàn giáo trong thi công xây dựng công trình”. Chủ tịch Hội đồng - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Lê Minh Long chủ trì cuộc họp.

Bảo vệ đề tài trước Hội đồng, thay mặt nhóm nghiên cứu, ThS. Nguyễn Tuấn Ngọc Tú cho biết: những năm gần đây, vấn đề an toàn lao động trong thi công xây dựng tuy đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, song vẫn còn một số dự án, công trình thi công xây dựng chưa đảm bảo an toàn, dễ xảy ra các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng, gây thiệt hại về người và tài sản, ảnh hưởng không nhỏ đến an toàn đời sống xã hội. Theo số liệu thống kê của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, tỷ lệ số vụ tai nạn xảy ra trong lĩnh vực xây dựng trong các năm 2016 và 2017 lần lượt là 23,8% và 25,8%. Con số này tuy có giảm so với những



Toàn cảnh cuộc họp

năm trước (2014 là 33,1%; 2015 là 35,2%), nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao so với số vụ tai nạn xảy ra trong các lĩnh vực, ngành nghề khác.

Đề tài trích dẫn số liệu báo cáo tổng hợp trong năm 2017 từ các Sở Xây dựng tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho kết quả: số vụ tai nạn xảy ra trong thi công xây dựng trên phạm vi toàn quốc do máy, thiết bị là 57 vụ, bằng với tổng số vụ tai nạn xảy ra do sự cố công trình, do người lao động và do nguyên

nhân khác. Trong đó, số vụ tai nạn do nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp từ giàn giáo sử dụng trong thi công công trình chiếm khoảng 40%. Đề tài cũng dẫn chứng một số vụ tai nạn lao động nghiêm trọng liên quan đến giàn giáo xảy ra trong những năm vừa qua, ở nhiều địa phương trong cả nước, đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.

ThS. Nguyễn Tuấn Ngọc Tú cho biết, để giảm thiểu số vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình cần có các biện pháp hữu hiệu hơn nữa nhằm đảm bảo an toàn trong công tác quản lý, khai thác sử dụng hệ giàn giáo dùng trong xây dựng. Do đó, việc thực hiện đề tài là đặc biệt cần thiết, có ý nghĩa thực tiễn cao.

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra, khảo sát hoạt động thực tiễn của 102 tổ chức (trong đó có 78 tổ chức đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và 24 tổ chức đã được Bộ Xây dựng cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động); đồng thời tổ chức các đoàn kiểm tra thực tế công tác đảm bảo an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình tại một số địa phương làm căn cứ để xuất các chỉ tiêu kỹ thuật, điều kiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đề tài đề xuất Chương trình khung đào tạo và tài liệu giảng dạy về an toàn, vệ sinh lao động trong xây dựng cho công nhân xây dựng và các đối tượng có liên quan, nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về kỹ thuật và quản lý an toàn và sức khỏe lao động trong hoạt động thi công xây dựng. Chương trình đồng thời giúp người học phát triển kỹ năng đánh giá các nguy cơ mất an toàn và sức khỏe của người lao động trên công trường cũng như kỹ năng xác định các nguyên nhân gây tai nạn và triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro về an toàn và sức khỏe lao động trong suốt quá trình thiết kế và

thực hiện dự án xây dựng.

Đối với các trường cao đẳng, đại học thuộc ngành Xây dựng, đề tài đề xuất nội dung đào tạo an toàn vệ sinh lao động như sau: bên cạnh kiến thức lý thuyết về kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động, cần trang bị kiến thức về thiết kế - tổ chức và kiểm tra - quản lý an toàn vệ sinh lao động cho sinh viên; cần có giải pháp đào tạo để nâng cao kỹ năng an toàn vệ sinh lao động cho sinh viên, đặc biệt kỹ năng phân tích, nhận diện nguy cơ xảy ra mất an toàn lao động hay sự cố; chương trình đào tạo an toàn vệ sinh lao động cần chú trọng phát triển nhận thức về an toàn vệ sinh lao động cho sinh viên; kiến thức, kỹ năng và ý thức đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cần được tích hợp giảng dạy và đào tạo trong nhiều môn học chuyên ngành khác nhau, nhằm tạo tính kế thừa và có hệ thống trong việc nâng cao kiến thức, nhận thức đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho sinh viên, trước khi các em tốt nghiệp và tham gia lao động trên công trường.

Tại cuộc họp, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng đánh giá cao tính cấp thiết của đề tài, đồng thời ghi nhận sự nỗ lực, đầu tư về thời gian và công sức của nhóm nghiên cứu trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Theo Hội đồng đánh giá, nhóm nghiên cứu đã hoàn thành đầy đủ các sản phẩm đề tài theo hợp đồng và đảm bảo chất lượng. Hồ sơ nghiệm thu đề tài tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định. Các báo cáo tổng kết có hàm lượng thông tin phong phú, số liệu có tính tin cậy cao, đưa ra được bức tranh tổng quan tình hình mất an toàn lao động trong thi công công trình xây dựng liên quan đến giàn giáo, đồng thời đề xuất được Chương trình khung đào tạo và tài liệu giảng dạy về an toàn, vệ sinh lao động trong xây dựng cho công nhân xây dựng và các đối tượng có liên quan, trong đó có sự lồng ghép vào nội dung đào tạo tại các trường cao đẳng, đại học thuộc ngành Xây dựng.

Nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tổng kết và các sản phẩm đề tài, Hội đồng đã đóng góp

một số ý kiến chuyên môn để nhóm nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa, trong đó chú ý rà soát, biên tập nội dung Chương trình khung đào tạo và tài liệu giảng dạy đảm bảo ngắn gọn, súc tích hơn, đồng thời chỉnh sửa các lỗi chế bản, lỗi đánh máy.

Kết luận cuộc họp, Phó Vụ trưởng Lê Minh Long đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý của các chuyên gia thành viên Hội đồng, sớm hoàn thiện báo cáo

tổng kết và các sản phẩm đề tài, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ do nhóm nghiên cứu thuộc Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thực hiện, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Các phương pháp đánh giá hiệu quả môi trường khi ứng dụng vật liệu cách nhiệt

Hiện nay, các chuyên gia kiến trúc - xây dựng đang có những thảo luận chuyên sâu về đánh giá hiệu quả khi ứng dụng vật liệu cách nhiệt một cách tích cực hơn, nhằm nâng cao khả năng bảo vệ nhiệt của tòa nhà. Qua các cuộc thảo luận, tất cả các chuyên gia đều nhất trí: giảm mức năng lượng cần tiêu thụ để giữ nhiệt cho tòa nhà có ý nghĩa quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu về tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường. Xem xét hiệu quả của biện pháp này cần tính đến hiệu quả khai thác và những chi phí cần thiết cho tòa nhà. Để đánh giá hiệu quả kinh tế của các biện pháp cải thiện khả năng giữ nhiệt, các chỉ số sau đây cần được so sánh: chi phí giữ nhiệt tiết kiệm được; chi phí dành cho cung cấp, lắp đặt, bảo trì; thời hạn sử dụng vật liệu và chi phí xử lý vật liệu.

Nguyên tắc vừa nêu cũng có thể được áp dụng để đánh giá hiệu quả môi trường. Thông qua ứng dụng vật liệu cách nhiệt, nhu cầu năng lượng để sưởi ấm có thể giảm đáng kể. Tài nguyên thiên nhiên sẽ được phục hồi nhờ giảm tiêu thụ năng lượng. Song mặt khác, việc cải thiện khả năng giữ nhiệt cũng đòi hỏi chi phí lớn, do đó phải tính toán, cân nhắc khi phân tích các biện pháp cụ thể. Các chi phí thường liên quan đến năng lượng và nguyên liệu thô; tác động tới môi trường trong quá trình sản xuất

các hệ thống/ vật liệu cách nhiệt; lắp đặt, bảo trì, xử lý và tái chế vật liệu cách nhiệt. Đặc biệt, cần tính đến khả năng tái chế sản phẩm. Việc nghiên cứu và đưa ra những dữ liệu này là một nhiệm vụ để thiết lập các cân bằng sinh thái. Trên cơ sở đó, có thể thực hiện mọi phân tích hiệu quả; trong đó, chi phí và hiệu quả (hệ quả) có thể được mô tả dưới dạng đơn vị năng lượng, các yếu tố sinh thái, hoặc dưới dạng các tương tác tổng hợp trong môi trường thiên nhiên.

Tiếp tục phân tích tính kinh tế thông qua đánh giá lợi thế về môi trường của các biện pháp hiệu quả năng lượng là một bước quan trọng hướng tới việc tính toán các khía cạnh bền vững của thiết kế. Những phân tích hiệu quả phải bao gồm chi phí và ảnh hưởng, với điều kiện đảm bảo việc đo lường thống nhất, và các kết quả được so sánh, biện giải. Điều quan trọng là lựa chọn và sử dụng các chỉ số và hình thức trình bày dữ liệu phù hợp. Một trong các khả năng là xem xét toàn bộ chi phí và hiệu quả của năng lượng sơ cấp không tái tạo để đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng. Đồng thời, có thể so sánh chi phí của năng lượng sơ cấp trong sản xuất và trong toàn bộ vòng đời và tiết kiệm năng lượng sơ cấp trong các điều kiện biên và dung sai nhất định. Tỷ lệ của các chỉ số này có thể được thể hiện dưới dạng hệ số hiệu

quả ứng dụng vật liệu cách nhiệt.

Để đánh giá tính hiệu quả của vật liệu cách nhiệt, có thể sử dụng chỉ số biểu thị tỷ lệ giữa năng lượng được tiết kiệm và năng lượng tiêu hao trong vòng đời công trình. Nguyên tắc tương tự như cách tính hệ số EROI - Energy Return On Investment (hoàn vốn đầu tư năng lượng) được sử dụng thành công theo đề xuất của GS. Charles A.S. Hall (Đại học Syracuse, Mỹ) để đánh giá hiệu quả của các mỏ khoáng sản. Có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để tính toán mức tiết kiệm năng lượng.

Trong những biện pháp khả thi, biện pháp đầu tiên là tính toán tổn thất nhiệt của tòa nhà do các chuyên gia Đại học Năng lượng Moskva đề xuất, dựa trên các chỉ số được áp dụng cho các loại công trình theo công thức (1):

$$E = 1 - Q_{ehb} / Q_{hb}$$

trong đó: E - tiết kiệm mức tải nhiệt khi sưởi ấm, %; Q_{ehb} - giảm mức tải sưởi ấm, kW; Q_{hb} - mức tải sưởi ấm theo tính toán, kW.

Một công thức khác, chính xác hơn, để tính tổn thất nhiệt do GS. V.G. Gagarin đề xuất (2). Trên $1m^2$ của kết cấu bao che, giá trị tổn thất nhiệt được tính như sau:

$$q = 0,024 \text{ GSOP} \times k$$

trong đó: k là hệ số truyền nhiệt của tường ngoài, $W / (m^2 \times ^\circ C)$; GSOP - độ-ngày của thời kỳ gia nhiệt, $^\circ C \cdot \text{ngày} / \text{năm}$; $0,024 = 24/1000$ - hệ số truyền, $kW / (W \times \text{ngày})$.

Áp dụng công thức (2), có thể tính toán và so sánh tổn thất nhiệt qua các kết cấu bao che khác nhau. Ví dụ: có thể xác định mức tổn thất nhiệt đã giảm bao nhiêu sau các biện pháp tái thiết công trình, cụ thể là khi các tường được cách nhiệt, từ đó có thể tính lượng nhiệt được tiết kiệm. Hiện tại, dữ liệu có sẵn về việc truyền nhiệt của các kết cấu bao che tùy thuộc vào chủng loại và độ dày của vật liệu cách nhiệt, vật liệu kết cấu và vật liệu ốp được sử dụng cho các kết cấu bao che. Tất cả các yếu tố này có thể giúp tính được mức tiết kiệm năng lượng của các kết cấu bao che (tùy vào việc sử dụng loại

vật liệu cách nhiệt nào và độ dày của vật liệu) trong các điều kiện khí hậu tự nhiên khác nhau.

Một biện pháp khác là xác định và biện giải thời gian hoàn vốn đầu tư năng lượng (EROI). Phương pháp phân tích hiệu suất này được coi là truyền thống. GS. T. Lutzkendorf đã nghiên cứu vấn đề này từ những năm 1980, khi áp dụng phương pháp này để đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng hóa thạch.

Hiện nay, trong việc đánh giá thời gian hoàn vốn đầu tư năng lượng của sản xuất và sử dụng vật liệu cách nhiệt vẫn còn nhiều hiểu lầm. Điều quan trọng là kinh nghiệm áp dụng biện pháp nêu trên vào thực tế, công khai và thảo luận rộng rãi các kết quả trong cộng đồng chuyên môn. Cũng có thể nghiên cứu áp dụng các công cụ trợ giúp phù hợp để tính toán và đánh giá chỉ số này, với điều kiện tiên quyết là khả năng tiếp cận dữ liệu về cân bằng sinh thái của vật liệu cách nhiệt. Ngoài ra, cần giám sát để không chỉ các nguồn năng lượng sử dụng để sản xuất vật liệu cách nhiệt được tính đến, mà cả các nguồn tài nguyên khác (ví dụ năng lượng dành cho việc khai thác và chế biến nguyên liệu thô).

Kinh nghiệm đánh giá tất cả các nguồn tài nguyên và nguồn năng lượng được sử dụng vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, thực tế đánh giá và kết quả đo của người dùng trong suốt giai đoạn vận hành có ý nghĩa quan trọng. Giá trị thực tế của năng lượng tiết kiệm được do sử dụng vật liệu cách nhiệt phụ thuộc vào các yếu tố quan trọng sau: hệ thống kết cấu và loại công trình, các thông số cân bằng năng lượng ban đầu, chất lượng lắp đặt thiết bị cách nhiệt hoặc hệ thống cách nhiệt, sự thiếu ẩm của vật liệu cách nhiệt trong quá trình vận hành, thời hạn sử dụng của sản phẩm và kết cấu, thuộc tính của các sản phẩm khác cần thiết cho việc sản xuất và bảo trì kết cấu trong quá trình vận hành (ví dụ chốt...).

Khuyến nghị nghiên cứu các chỉ số về tác động tới môi trường của các hệ thống cách

nhệt. Giá trị này phụ thuộc vào nhu cầu sửa chữa và bảo dưỡng, điều kiện khí hậu, hành vi của người sử dụng, vào chủng loại và hiệu quả của hệ thống cung cấp năng lượng, nguồn tài nguyên dành cho cấp nhiệt - năng lượng.

Các điều kiện biên đóng vai trò cơ bản, phải được phản ánh đầy đủ, minh bạch trong tất cả các quá trình đánh giá hiệu quả. Ví dụ so sánh các điều kiện biên của Nga và Đức được trình bày trong bảng dưới đây:

Quốc gia	GSOP(1), °C.ngày/ năm	chi phí điện năng (2), rup/kW.h	chi phí nhiên liệu (khí đốt tự nhiên) (2), rup/m ³
Đức	Berlin - 2604 Munich - 2961	10,4	25,75
Nga (phần châu Âu)	Moskva - 4515 St.Peterburg - 4356	2,0 - 3,2	3,4 - 3,8
(1) theo dữ liệu của GS. V.G. Gagarin		(2) theo dữ liệu của cổng thông tin energystock.ru	

Việc đánh giá lợi thế kinh tế và hiệu quả năng lượng (thời gian hoàn vốn đầu tư năng lượng) ngày nay không thể đảm bảo tính toán đầy đủ các khía cạnh bền vững (như an toàn môi trường trong vòng đời công trình hoặc sản phẩm). Để bổ sung các dữ liệu kỹ thuật, cần có kết quả đánh giá rủi ro đối với con người và môi trường trong suốt vòng đời công trình, cũng như thông tin về sản xuất, thời hạn sử dụng, tính bền vững trước các tác động khác nhau, khả năng xây lắp và các biện pháp tái chế; cần phải tính đến các yêu cầu quy định của châu Âu đối với sản phẩm.

Từ những lý do trên, nhu cầu mở rộng thông tin từ phía các nhà sản xuất vật liệu cách nhiệt là tất yếu. Một giai đoạn quan trọng là báo cáo tác động tới môi trường theo tiêu chuẩn DIN EN 15804: 2014-07. Dữ liệu từ các báo cáo tác động tới môi trường có thể được sử dụng để phân tích sâu hơn hiệu quả môi trường dựa vào triển vọng nóng lên toàn cầu, hoặc các tác động tổng hợp tới môi trường, Vấn đề giải phóng các chất khác nhau (gồm cả chất độc hại) khi bị rửa trôi khỏi vật liệu hoặc phát thải vào khí quyển, cũng như đánh giá mức độ độc hại đối với con người và môi trường, luôn là lý do của nhiều cuộc tranh luận. Cũng có thể xác

định giai đoạn phục hồi sinh thái trên cơ sở CO₂ hoặc triển vọng nóng lên toàn cầu.

Cũng như nhiều quốc gia khác, Liên bang Nga rất quan tâm cải thiện việc bảo toàn tài nguyên thiên nhiên, giảm tải cho môi trường. Mục tiêu tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là đối với các công trình xây dựng hiện hữu sẽ thúc đẩy nhu cầu về vật liệu cách nhiệt gia tăng. Đồng thời, các hệ thống cách nhiệt đang được áp dụng sẽ phải đáp ứng các yêu cầu cao nhất về tiết kiệm năng lượng, tuổi thọ và an toàn sinh thái. Sau khi sử dụng, tất cả các hệ thống cần thích hợp để tái sử dụng hoặc tái chế.

Liên quan tới việc này, các vấn đề chính là thông tin tới các nhà thiết kế và khách hàng về khả năng cách nhiệt để đảm bảo họ có sự lựa chọn sản phẩm đúng đắn, hợp lý về mặt kinh tế và sinh thái. Các biện pháp cụ thể cần được thực hiện từ phía các cơ quan chính phủ, cũng như các nhà sản xuất vật liệu cách nhiệt/ hệ thống cách nhiệt. Cần lồng ghép những biện pháp sau vào các hoạt động quản lý nhà nước:

1. Đưa chủ đề xây dựng bền vững vào các chương trình xây dựng nhà ở của từng vùng miền, trong đó có lựa chọn vật liệu xây dựng có tính đến các yêu cầu về môi trường. Ngoài ra, cần có những yêu cầu đặc biệt đối với công

ngành sản xuất vật liệu xây dựng (tuân thủ các tiêu chuẩn sinh thái, xã hội; nghiên cứu các tuyên ngôn môi trường...), và yêu cầu đối với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại (đảm bảo thông tin cho người tiêu dùng).

2. Xây dựng những chương trình cụ thể cho các vùng miền khác nhau nhằm kích thích thị trường vật liệu xây dựng bền vững.

3. Phân bổ vốn cho nghiên cứu và phát triển (ví dụ: cơ sở dữ liệu với thông tin về tác động của vật liệu đến môi trường xung quanh).

4. Nghiên cứu và tài trợ các chương trình tư vấn cho các nhà xây dựng tư nhân.

5. Áp dụng danh mục hồ sơ bắt buộc về sản phẩm xây dựng được sử dụng.

Các biện pháp sau đây được khuyến nghị đối với nhà sản xuất vật liệu xây dựng:

1. Thiết kế nhà máy, cơ sở sản xuất có tính đến các yêu cầu bền vững (lựa chọn địa điểm, đánh giá tác động môi trường, gần các mỏ khoáng sản và nguyên liệu, lựa chọn nguồn năng lượng, công nghệ...).

2. Tối ưu hóa các quy trình, cải tiến chất lượng sản phẩm và nghiên cứu sản phẩm có tính đến những yêu cầu sinh thái.

3. Áp dụng các hệ thống đánh giá tính bền vững đối với sản phẩm và quy trình sản xuất, nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường.

4. Phát triển sản xuất với sự hỗ trợ của chính quyền vùng và cộng đồng chuyên môn.

5. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng sản phẩm.

6. Hoàn thiện cơ cấu tính toán các chỉ số thực trạng môi trường tại nhà máy.

7. Cải thiện thông tin về sản phẩm.

8. Nâng cao chất lượng tư vấn về tối ưu hóa việc sử dụng sản phẩm và xử lý đúng cách trong quá trình xây lắp tại địa điểm thi công, phù hợp với các yêu cầu về sức khỏe và bảo vệ môi trường.

9. Nghĩa vụ xử lý và tái chế sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng.

Tóm lại, khi đánh giá hiệu quả môi trường của các biện pháp cải thiện tính cách nhiệt của các kết cấu bao che, việc lựa chọn phương pháp xác định chi phí và đánh giá lợi ích thu được có vai trò quan trọng. Các phương pháp bao gồm tỷ suất hoàn vốn nội bộ, giá trị vốn, thời gian phân bổ tĩnh và động... Đồng thời, cần phân biệt giữa hoàn vốn đầu tư năng lượng và môi trường (có tính đến triển vọng nóng lên toàn cầu, CO₂ - năng lượng tương đương...). Trong giai đoạn hiện nay, các phương pháp cho phép tính toán hiệu quả môi trường được coi là khả quan nhất, bảo đảm đầy đủ nhất lượng thông tin về vật liệu khi nghiên cứu các hệ thống kết cấu khác nhau.

Th. Lützkendorf, Đại học Công nghệ Karlsruhe, CHLB Đức

Tạp chí Architecture & Modern Informations Technologies, tháng 2/2019

ND: Lê Minh

Kiểm soát chất lượng công trình kết cấu thép tại Trung Quốc

Với sự phát triển không ngừng của khoa học vật liệu, các phương pháp tính toán và thiết kế, công nghệ chế tạo, công nghệ kết nối, công nghệ thi công lắp đặt, việc ứng dụng của kết cấu thép trong các công trình xây dựng ở Trung Quốc ngày càng phổ biến. Các công trình kết cấu thép hiện đại được tạo hình mới lạ, hình

thức đa dạng, hệ thống phức tạp, một số công trình thậm chí có quy mô lớn hoặc siêu cao. Điều này không chỉ mang lại nhiều thách thức về kỹ thuật chế tạo lắp đặt kết cấu thép, mà còn đưa ra những yêu cầu ngày càng cao đối với việc kiểm soát chất lượng kết cấu thép.

Các giai đoạn chủ yếu trong việc kiểm soát

chất lượng công trình kết cấu thép bao gồm thiết kế kết cấu thép, chế tạo các cấu kiện kết cấu thép, lắp dựng kết cấu thép, bảo trì sử dụng kết cấu thép.

Giai đoạn thiết kế kết cấu thép

Trong quá trình thiết kế kết cấu, việc lựa chọn hệ kết cấu, vật liệu kết cấu, phương thức liên kết đều ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và độ an toàn của kết cấu thép. Các hệ thống kết cấu khác nhau có tính năng kinh tế khác nhau; tính năng chịu lực và biến dạng của kết cấu trong quá trình sử dụng cũng khác nhau. Sự phân bố nội lực và biến dạng bất hợp lý vừa ảnh hưởng đến sự an toàn của kết cấu lại vừa ảnh hưởng tới chất lượng sử dụng. Việc lựa chọn vật liệu cấu kiện của kết cấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng gia công cấu kiện và tính an toàn trong quá trình sử dụng. Tính hợp lý của việc lựa chọn phương thức liên kết cấu kiện cũng ảnh hưởng trực tiếp đến độ tin cậy của việc lắp đặt cấu kiện, chất lượng liên kết và tính an toàn trong quá trình sử dụng.

Giai đoạn chế tạo các cấu kiện kết cấu thép

Các khâu trong giai đoạn chế tạo cấu kiện kết cấu thép có ảnh hưởng đến chất lượng cấu kiện bao gồm: lựa chọn và kiểm tra vật liệu cấu kiện, công nghệ gia công cấu kiện và kiểm tra chất lượng sản xuất. Việc lựa chọn và kiểm tra vật liệu liên quan trực tiếp đến chất lượng của vật liệu cấu kiện: dù áp dụng công nghệ chế tạo phù hợp, song vật liệu phẩm chất kém cũng không thể tạo cấu kiện thép đạt chất lượng. Chế tạo cấu kiện kết cấu thép gồm nhiều quy trình công nghệ - cắt, khoan, hàn, phun, ép, cán, uốn, bào, phay, mài, cưa, sơn phủ, đánh bóng, xử lý nhiệt ...; mỗi công nghệ trong đó đều ảnh hưởng đến chất lượng gia công sản xuất cấu kiện thép. Chính vì vậy, cần kiểm soát chặt chẽ từng công nghệ sản xuất mới có thể đảm bảo chất lượng gia công sản xuất của cấu kiện thép. Trong giai đoạn này, cần kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt, chi tiết, nhằm đảm bảo

chất lượng. Việc kiểm tra chất lượng như vậy được thực hiện xuyên suốt tất cả các bước công nghệ trong cả giai đoạn.

Giai đoạn thi công lắp dựng kết cấu thép

Có rất nhiều phương pháp thi công lắp dựng kết cấu thép. Áp dụng các phương pháp thi công lắp đặt khác nhau, nội lực và trạng thái biến dạng của kết cấu trong quá trình thi công và hoàn công có thể khác nhau. Biến dạng quá mức và trạng thái nội lực không hợp lý đều ảnh hưởng đến chất lượng lắp đặt và sự an toàn khi sử dụng kết cấu. Ngoài ra, chất lượng liên kết trong quá trình lắp đặt cấu kiện thép (bao gồm liên kết hàn nối, liên kết bu lông...), độ chính xác của mối nối cấu kiện, biến dạng hoặc hư hỏng của cấu kiện, vị trí và kích thước tấm tiếp điểm, chất lượng bề mặt cấu kiện... đều ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng lắp dựng của kết cấu thép. Chỉ khi đảm bảo chất lượng của từng khâu trong quá trình lắp dựng thì chất lượng lắp dựng toàn bộ công trình mới có thể được đảm bảo. Biện pháp để đảm bảo chất lượng lắp dựng là kiểm tra chất lượng trong quá trình lắp dựng, tương tự như vậy, kiểm tra chất lượng trong quá trình lắp dựng cũng xuyên suốt giai đoạn thi công lắp dựng kết cấu.

Giai đoạn bảo trì sử dụng kết cấu thép

Việc bảo trì, bảo dưỡng kết cấu thép trong giai đoạn sử dụng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của kết cấu thép trong quá trình sử dụng, đặc biệt việc bảo dưỡng lớp sơn chống ăn mòn và chống cháy của kết cấu thép, ảnh hưởng trực tiếp đến độ bền và độ an toàn của kết cấu thép. Vì vậy, việc kiểm tra, bảo dưỡng kết cấu thép thường xuyên trong quá trình sử dụng là hết sức quan trọng và cần thiết. Đối với các kết cấu thép sử dụng ngoài trời, càng cần thiết áp dụng chế độ kiểm tra được quy định nghiêm ngặt và thực hiện định kỳ.

Cách duy nhất để kiểm soát chất lượng kết cấu thép là thực hiện nghiêm các yêu cầu quản lý chất lượng kết cấu thép trong giai đoạn thiết kế, giai đoạn sản xuất cấu kiện thép, giai đoạn

lắp dựng kết cấu thép và giai đoạn bảo trì kết cấu thép phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia. Phương pháp kiểm soát chất lượng kết cấu thép là kiểm tra chất lượng ở từng giai đoạn. Chất lượng của kết cấu thép trong giai đoạn thiết kế được kiểm soát thông qua việc thẩm định thiết kế; trong giai đoạn gia công sản xuất - thông qua việc kiểm tra chất lượng của từng công nghệ và kiểm tra chất lượng xuất xưởng; trong giai đoạn lắp dựng - thông qua kiểm tra chất lượng của các khâu trong quá trình lắp dựng; trong giai đoạn bảo trì

sử dụng - thông qua việc kiểm tra định kỳ trong quá trình sử dụng.

Tóm lại, để đảm bảo chất lượng công trình kết cấu thép, cần phải thực hiện các quy định và yêu cầu quản lý và kiểm soát chất lượng ở các giai đoạn khác nhau, chỉ như vậy mới có thể cung cấp cho xã hội những công trình kết cấu thép đạt tiêu chuẩn chất lượng.

La Vĩnh Phong

Báo Xây dựng Trung Quốc, tháng 11/2020

ND: Kim Nhạn

Hội thảo tham vấn “Kết quả xây dựng đường tiêu thụ năng lượng đặc trưng, định mức năng lượng, chứng nhận hiệu quả sử dụng năng lượng trong công trình thương mại”

Ngày 15/12/2020, tại Hà Nội, Ban Quản lý dự án "Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng tại Việt Nam" (dự án EECB) tổ chức hội thảo tham vấn “Kết quả xây dựng đường tiêu thụ năng lượng đặc trưng, định mức năng lượng, chứng nhận hiệu quả sử dụng năng lượng trong công trình thương mại”. Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng), Phó Giám đốc dự án EECB - ông Nguyễn Công Thịnh chủ trì hội thảo.

Dự hội thảo có đại diện Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP), Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) và nhiều chuyên gia trong nước, quốc tế hoạt động trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, môi trường.

Từ năm 2016, Bộ Xây dựng phối hợp với UNDP triển khai Dự án EECB với sự tài trợ của Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng của các tòa nhà thương mại và nhà chung cư cao tầng tại Việt Nam. Dự án gồm 3 hợp phần: cải thiện và thực thi quy chuẩn xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả; triển khai các sáng kiến hỗ trợ phát triển thị trường tòa nhà; ứng dụng và nhân rộng công nghệ tiết kiệm năng lượng tòa nhà.

Mục tiêu hợp phần đầu tiên của Dự án EECB nhằm hỗ trợ Bộ Xây dựng và UNDP xây dựng đường tiêu thụ năng lượng đặc trưng (SEC) của công trình xây dựng; xác định định mức năng lượng; xây dựng kế hoạch đo lường và thẩm định, và hệ thống dán nhãn hiệu quả năng lượng cho tòa nhà thương mại và nhà ở cao tầng ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam.

Tại hội thảo, đại diện Ban Quản lý dự án EECB đã trình bày tóm tắt những nội dung được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung sau hội thảo tham



Ông Nguyễn Công Thịnh - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường, Bộ Xây dựng chủ trì hội thảo tham vấn

vấn lần thứ nhất (tổ chức năm 2019), và tổng hợp các kết quả của Dự án EECB: xây dựng SEC và định mức năng lượng (sau khi đã cập nhật); những nội dung liên quan đến chứng nhận hiệu quả sử dụng năng lượng trong công trình trên thế giới; hệ thống chứng nhận hiệu quả sử dụng năng lượng trong công trình thương mại đề xuất cho Việt Nam cùng kết quả thí điểm; công bố thông tin về sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại tại Việt Nam; hệ thống cơ sở dữ liệu SEC và định mức năng lượng trực tuyến.

Theo bà Hoàng Thị Kim Cúc, Quản đốc dự án EECB: giá trị SEC được sử dụng làm đại lượng so sánh hiệu quả năng lượng để đánh giá hoặc đo hiệu suất của hiệu quả năng lượng trong một khoảng thời gian cụ thể, trong một khu vực có khí hậu xác định và thường được biểu thị bằng tỷ lệ giữa điện năng tiêu thụ trong một năm và tổng diện tích sàn của tòa nhà.

Việc xác định SEC nhằm xây dựng phương pháp thống nhất để đánh giá hiệu quả của một (hoặc nhiều) loại tòa nhà; từ đó so sánh với các tòa nhà tương tự khác. Nói cách khác, SEC được tính từ dữ liệu tổng điện năng tiêu thụ và tổng

diện tích sàn. Tuy nhiên, phương pháp này có thể không được áp dụng trong một số dạng tòa nhà có nhiều đơn vị sử dụng độc lập.

Để thiết lập giá trị SEC và định mức năng lượng đầu tiên cho Việt Nam, chuyên gia Nicolas Jallade cho biết: dự án đã thực hiện khảo sát năng lượng tại 165 tòa nhà thuộc 5 hạng mục khác nhau ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam để xác định tình hình tiêu thụ năng lượng cụ thể và các định mức năng lượng liên quan, trong đó có cơ quan Nhà nước, văn phòng tư nhân, trung tâm thương mại, khách sạn 2 - 3 sao, khách sạn 4 - 5 sao.

Từ các kết quả khảo sát cụ thể, qua tổng hợp, phân tích, đánh giá, nhóm chuyên gia tư vấn nhận thấy: đến nay hầu hết các tòa nhà ở Việt Nam vẫn chưa có kế hoạch tiết kiệm năng lượng hàng năm và các hành động để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong tòa nhà qua các năm. Chỉ những tòa nhà lớn như trung tâm thương mại mới thật trọng trong việc sử dụng hiệu quả năng lượng do ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của chủ sở hữu tòa nhà.

Đối với nhiệm vụ nghiên cứu chương trình/hệ thống chứng nhận nhãn hiệu quả năng lượng cho các tòa nhà, nhóm chuyên gia dựa vào kinh nghiệm của nhiều quốc gia để nghiên cứu tính khả thi của việc chứng nhận hiệu quả năng lượng cho công trình xây dựng ở Việt Nam, xác lập các yếu tố quan trọng để xây dựng và triển khai hệ thống chứng nhận hiệu quả năng lượng. Giai đoạn 1 của nhiệm vụ đã hoàn thành việc xây dựng kế hoạch triển khai để thiết lập hệ thống chứng nhận hiệu quả năng lượng cho công trình xây mới và công trình hiện hữu ở Việt Nam.

Tham dự hội thảo, các đại biểu ghi nhận và đề cao tính chuyên nghiệp và công sức của



Toàn cảnh hội thảo

nhóm chuyên gia tư vấn cũng như những kết quả dự án EECB đã đạt được. Bà Vũ Thị Kim Thoa - chuyên gia cấp cao Chương trình PEEB- GIZ đánh giá: những kết quả của dự án đã góp phần quan trọng vào việc cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng của các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng tại Việt Nam. Đặc biệt, với việc đưa nội dung chứng nhận hiệu quả năng lượng vào tiêu chuẩn ISO, Việt Nam đã đạt được bước tiến lớn trong phát triển tòa nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

Bà Vũ Thị Kim Thoa mong muốn những kết quả của dự án EECB sớm được nhân rộng, và coi đây là một trong những động lực để Bộ Xây dựng, các tổ chức quốc tế cùng, các địa phương, doanh nghiệp ngành Xây dựng Việt Nam tăng cường hợp tác, triển khai các chương trình, dự án nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng không chỉ đối với các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng mà còn hướng đến công trình xây dựng nói chung, nhằm mục tiêu thúc đẩy công trình xanh, công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả phát triển tại Việt Nam.

Trần Đình Hà

Hội nghị cấp cao Mạng lưới đô thị thông minh ASEAN - Nhật Bản lần thứ 2

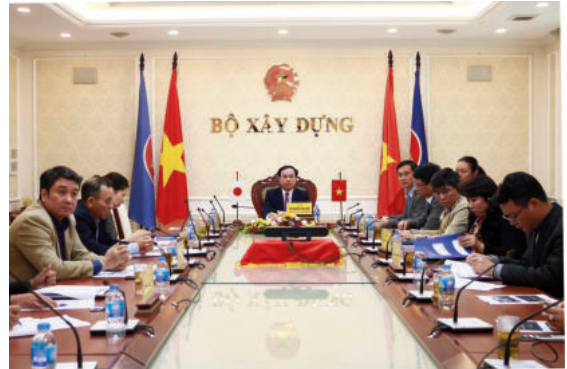
Ngày 16/12/2020, hội nghị cấp cao Mạng lưới đô thị thông minh ASEAN - Nhật Bản lần thứ 2 đã diễn ra theo hình thức trực tuyến. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh đồng chủ trì hội nghị.

Dự hội nghị có Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (MLIT) Akaba Kazuyoshi; Tổng Thư ký ASEAN Lim Jock Hoi; đại diện quốc gia, đại diện các thành phố thông minh thuộc Mạng lưới các thành phố thông minh ASEAN (ASCN).

Phát biểu khai mạc hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh khẳng định vai trò là động lực phát triển kinh tế - xã hội của các đô thị ở mỗi quốc gia. Tại nhiều nước ASEAN, tốc độ đô thị hóa đang diễn ra khá nhanh, kèm theo đó nhiều vấn đề lớn phát sinh như hạ tầng quá tải, ô nhiễm môi trường, gia tăng phát thải khí nhà kính. Những khó khăn cộng với diễn biến bất thường của thời tiết và biến đổi khí hậu đã đặt ra yêu cầu cấp bách về ứng dụng khoa học công nghệ nói chung, công nghệ thông tin nói riêng trong quản lý và phát triển đô thị của các quốc gia trong khu vực.

Năm 2020, đại dịch Covid-19 làm gián đoạn nhiều hoạt động trên phạm vi toàn cầu, gây suy thoái kinh tế và tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, đại dịch này cũng làm nổi bật tầm quan trọng của việc ứng dụng các giải pháp thông minh trong các mặt của đời sống kinh tế - xã hội các nước.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh nhấn mạnh, với vai trò Chủ tịch luân phiên của ASCN, Việt Nam mong muốn tiếp tục đẩy mạnh hợp tác giữa các quốc gia thành viên và các đô thị thành viên trong ASCN với Nhật Bản để cùng gia tăng những cơ hội phát triển vì sự thịnh vượng, hướng đến mục tiêu chung là nâng cao



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đồng chủ trì hội nghị cấp cao Mạng lưới đô thị thông minh ASEAN – Nhật Bản lần thứ 2

chất lượng cuộc sống của con người, vì sự phát triển bền vững.

Phát biểu tại hội nghị, Bộ trưởng MLIT Kazuyoshi và Tổng Thư ký ASEAN Lim Jock Hoi đánh giá cao sự lãnh đạo và cũng như việc thực hiện các cam kết của Chính phủ Việt Nam với tư cách là Chủ tịch ASCN năm 2020 trong việc thúc đẩy các nỗ lực của ASEAN phát triển thành phố thông minh, đồng thời đánh giá cao sự ủng hộ kiên định của Chính phủ Nhật Bản nhằm tăng cường hợp tác thành phố thông minh giữa ASEAN và Nhật Bản.

Để đảm bảo các quốc gia ASEAN và Nhật Bản có thể khai thác đầy đủ các đô thị thông minh nhằm hỗ trợ hội nhập khu vực và phát triển bền vững, Tổng Thư ký Lim Jock Hoi nêu ba ưu tiên. Đó là: đầu tư vào cơ sở hạ tầng và giải pháp kỹ thuật số sẽ cung cấp cho các thành phố một nền tảng công nghệ mạnh mẽ; phát triển thành phố thông minh cần mang tính bao trùm, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp và các ngành của Chính phủ, giữa khu vực công và tư, và quan trọng nhất là với người dân; không có một con đường tắt nào để trở thành thành phố thông minh.

Tổng Thư ký ASEAN Lim Jock Hoi bày tỏ



Bộ trưởng MLIT Nhật Bản Akaba Kazuyoshi phát biểu trực tuyến tại hội nghị

vui mừng vì trong năm 2020 ASCN đã hoàn thiện và thông qua Khung đánh giá và giám sát ASCN. Theo ông, Khung đánh giá sẽ giúp các bên hiểu rõ hơn về nỗ lực của ASCN trong việc tạo điều kiện và thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác bên ngoài của ASEAN.

Tại hội nghị, các quốc gia ASEAN và Nhật Bản cùng cập nhật tình hình phát triển đô thị thông minh tại mỗi nước, trao đổi về kế hoạch hành động để đạt được các mục tiêu đã đề ra trong xây dựng và phát triển đô thị thông minh; thảo luận về các giải pháp khả thi để đối mặt với những thách thức trong thực tiễn, tạo cơ hội kết nối với các đối tác tiềm năng của Hiệp hội Nhật Bản về đô thị thông minh khu vực ASEAN (JASCA). Các bên cũng thống nhất đề xuất các cơ chế và hành động cụ thể duy trì kết nối và hợp tác.



Tổng Thư ký ASEAN Lim Jock Hoi phát biểu trực tuyến tại hội nghị

Kết thúc hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh cảm ơn Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản, Cơ quan Phục hưng đô thị Nhật Bản, đại diện các quốc gia và các đô thị thành viên trong ASCN, Ban Thư ký ASEAN đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng Việt Nam tổ chức thành công hội nghị cấp cao Mạng lưới đô thị thông minh ASEAN - Nhật Bản lần thứ 2.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh hy vọng thông qua hội nghị, từng đô thị sẽ cụ thể hóa hơn nữa kế hoạch hành động, đưa ra các giải pháp mang tính khả thi cao, phù hợp với bối cảnh hiện tại của thành phố mình để đạt được các mục tiêu đề ra trong xây dựng và phát triển đô thị thông minh.

Trần Đình Hà

Tiêu chuẩn chất lượng không khí trong nhà ở và nhà công cộng

Ngày 19/12/2020, hội thảo về tiêu chuẩn chất lượng không khí trong nhà ở và nhà công cộng ở Việt Nam đã diễn ra với sự tham dự của lãnh đạo Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng); chuyên gia các hội, hiệp hội chuyên ngành xây dựng, y tế; giảng viên các trường đại học; chuyên gia Tập đoàn Panasonic cùng nhiều đại biểu trong nước và

quốc tế.

Hội thảo do Hội Môi trường xây dựng Việt Nam (VACEE) tổ chức nhằm tham vấn ý kiến các chuyên gia để nâng cao chất lượng, hoàn thiện nội dung dự thảo TCVN “Chất lượng không khí trong nhà ở và nhà công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế”. Tiêu chuẩn do VACEE xây dựng mới.



GS.TS. Nguyễn Hữu Dũng - Chủ tịch VACEE phát biểu tại hội thảo



Toàn cảnh hội thảo

Trình bày những nội dung chính của dự thảo tiêu chuẩn, GS.TSKH. Phạm Ngọc Đăng (chủ nhiệm Đề tài xây dựng TCVN “Chất lượng không khí trong nhà ở và nhà công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế”) cho biết: tiêu chuẩn này áp dụng cho tất cả nhà ở và nhà công cộng (bao gồm các loại nhà ở, các nhà văn phòng và trường học) sử dụng thiết bị điều hòa khí hậu. Tiêu chuẩn này xem xét các yếu tố môi trường như nhiệt độ, vật lý, hóa học, sinh học; không xét đến các yếu tố chiếu sáng, tiếng ồn, từ trường và khí Radon, yếu tố tâm lý xã hội. Trong quá trình biên soạn, nhóm đề tài đã nghiên cứu tham khảo một số tiêu chuẩn về chất lượng không khí trong nhà của các nước tiên tiến trên thế giới như Mỹ, Singapore, tiêu chuẩn ISO.

GS.TSKH. Phạm Ngọc Đăng nhấn mạnh những quy định đảm bảo chất lượng không khí, các thông số chất lượng không khí trong nhà, hướng dẫn đảm bảo các thông số chất lượng không khí trong nhà, các bước giám sát chất lượng không khí trong nhà, đo lường chất lượng không khí trong nhà. Đặc biệt, nhóm đề tài đã nghiên cứu, xác định và đưa ra dự thảo tiêu chuẩn 17 thông số chất lượng không khí trong nhà (trong đó có 4 thông số tiện nghi nhiệt, 11 thông số ô nhiễm không khí, 2 thông số bụi), đồng thời lưu ý những chất ô nhiễm khác nếu

nghi ngờ có mặt trong môi trường trong nhà cũng cần phải đưa vào đối tượng theo dõi.

Tham dự hội thảo, các chuyên gia đánh giá cao nỗ lực, tinh thần trách nhiệm của nhóm đề tài trong quá trình xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, và nhất trí: việc xây dựng TCVN “Chất lượng không khí trong nhà ở và nhà công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế” là một bước quan trọng của Việt Nam nhằm tiếp cận, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực xây dựng tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng không khí trong nhà.

Để nâng cao chất lượng dự thảo tiêu chuẩn, các chuyên gia, đại biểu tham gia hội thảo đã đóng góp nhiều ý kiến như: xem xét chỉnh sửa tên tiêu chuẩn thành TCVN “Chất lượng không khí trong nhà ở và nhà công cộng - Yêu cầu chung”; bổ sung quy định về hàm lượng bụi chì trong không khí; xem xét đưa vào tiêu chuẩn yếu tố khí Radon trong phần phạm vi áp dụng của đề tài; tiêu chuẩn cần áp dụng cả với những nhà ở, nhà công cộng sử dụng hệ thống thông gió tự nhiên. Một số chuyên gia cũng nêu lên quy định của các nước tiên tiến trên thế giới liên quan đến chất lượng không khí trong nhà để góp ý cho dự thảo tiêu chuẩn nhằm đảm bảo tiêu chuẩn mang tính hội nhập quốc tế sâu hơn.

Kết thúc hội thảo, GS.TS. Nguyễn Hữu Dũng - Chủ tịch VACEE, GS.TSKH. Phạm Ngọc Đăng cảm ơn các chuyên gia, đại biểu

khách mời trong nước và quốc tế đã thu xếp thời gian tham dự hội thảo và đóng góp nhiều ý kiến xác đáng. VACEE và nhóm đề tài sẽ xem xét, cầu thị tiếp thu để bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo TCVN “Chất lượng không khí

trong nhà ở và nhà công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế”, đồng thời thực hiện các bước tiếp theo theo quy định xây dựng TCVN.

Trần Đình Hà

Thẩm định Đề án công nhận thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng (tỉnh Bến Tre) đạt tiêu chí đô thị loại IV

Ngày 23/12/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức hội nghị thẩm định Đề án công nhận thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng, huyện Mỏ Cày Nam của tỉnh Bến Tre đạt tiêu chí đô thị loại IV. Chủ tịch Hội đồng - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) Trần Quốc Thái chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các thành viên Hội đồng thẩm định là đại diện các Bộ, ngành, Văn phòng Chính phủ, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành; lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh Bến Tre và đại diện lãnh đạo huyện Mỏ Cày Nam.

Theo Đề án, Mỏ Cày là thị trấn huyện lỵ của huyện Mỏ Cày Nam, nằm trên giao điểm giữa Quốc lộ 60 và Quốc lộ 57, cách thành phố Bến Tre 20km. Thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng có vị trí ở trung tâm Cù Lao Minh, là vùng đất đã hình thành và phát triển lâu đời gắn với truyền thống chống giặc ngoại xâm, là quê hương của phong trào Đồng Khởi. Trên địa bàn hiện có mạng lưới sông rạch khá phát triển, thuận lợi cho giao thông thủy; đặc biệt có sông Mỏ Cày là tuyến giao thông thủy cấp 2 quốc gia, đầu mối giao thông buôn bán, trung chuyển hàng hóa từ Đồng bằng sông Cửu Long đi Tp. Hồ Chí Minh và các nơi khác và ngược lại.

Khu vực lập Đề án bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của thị trấn Mỏ Cày và các xã Tân Hội, An Thạnh, Đa Phước Hội, Phước Hiệp, Định Thủy; có tổng diện tích 6.413,66ha, quy mô dân số 58.613 người.

Trong những năm qua, thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng đã có những bước phát triển



Toàn cảnh hội nghị

vượt trội: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2017 - 2019 đạt 10,30%. Cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực, có sự chuyển dịch phù hợp với xu thế chung của toàn tỉnh; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại và giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Năm 2019, thu nhập bình quân đầu người khu vực so với mức bình quân cả nước gấp 0,76 lần; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5,51%.

Định hướng phát triển thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV đã được xác định trong danh mục nâng loại đô thị giai đoạn 2012 - 2020 theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời nhằm triển khai cụ thể Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bến Tre đến năm 2030 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bến Tre đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Đến nay, kết cấu hạ tầng đô thị của thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng đã cơ bản hoàn

thiện đồng bộ, chất lượng đời sống người dân được nâng lên. Do đó, việc đề nghị công nhận thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV là cần thiết, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền, các tầng lớp nhân dân tỉnh Bến Tre và huyện Mỏ Cày Nam sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu.

Tại Hội nghị, báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng), các báo cáo phản biện của Vụ Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ), Vụ Quy hoạch - kiến trúc (Bộ Xây dựng) cùng ý kiến các thành viên Hội đồng đều thống nhất: thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng đã cơ bản hội tụ đủ các điều kiện cần thiết để công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV. Bên cạnh nhóm các tiêu chuẩn đạt điểm theo quy định vẫn còn 7 tiêu chuẩn chưa đạt (tỷ lệ tăng dân số hàng năm, tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị, đất cây xanh đô thị, tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số trục phố chính...). Hội đồng cũng đóng góp cho Đề án một số ý kiến: cần thuyết minh rõ hơn các căn cứ lập đề án; bổ sung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc xâm nhập mặn trong thời gian tới đối với sự phát triển đô thị trong khu vực lập đề án; rà soát chỉnh sửa một số bảng biểu trong thuyết minh Đề án...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội



Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Trần Quốc Thái - Chủ tịch Hội đồng thẩm định phát biểu kết luận hội nghị

đồng Trần Quốc Thái đánh giá Đề án đã được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định pháp luật hiện hành, và đề nghị tỉnh Bến Tre triển khai rà soát lại quy hoạch chung của tỉnh để chỉ đạo thống nhất chương trình phát triển đô thị trên toàn tỉnh; lưu ý địa phương chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, lựa chọn khu vực phù hợp để triển khai thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng phát triển đô thị.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị Bộ Xây dựng đã nhất trí thông qua Đề án công nhận thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng, huyện Mỏ Cày Nam của tỉnh Bến Tre đạt tiêu chí đô thị loại IV, với điểm số 81,81 điểm.

Ninh Hoàng Hạnh

Góp ý cho dự thảo Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Xây dựng giai đoạn 2021 - 2030

Ngày 24/12/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý cho dự thảo “Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Xây dựng giai đoạn 2021-2030”. Tham dự hội nghị có đại diện các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng cùng các chuyên gia trong ngành. Ông Vũ Ngọc Anh - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường chủ trì hội nghị.

Tại hội nghị, TS.Đình Quốc Dân - Phó Viện trưởng Viện Khoa học công nghệ xây dựng, đơn vị được giao nhiệm vụ biên soạn dự thảo đã khái quát nội dung dự thảo. Theo đó, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) ngành Xây dựng đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, với nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh

các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng KH&CN trong các lĩnh vực của ngành. Tuy nhiên, thực trạng hoạt động KH&CN ngành Xây dựng hiện nay vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Các đơn vị KH&CN của ngành gồm có mạng lưới các trường đại học, các viện nghiên cứu và các tổ chức KH&CN, song chất lượng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KH&CN chưa thực sự đạt hiệu quả cao. Các doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, ứng dụng và đổi mới công nghệ. Còn thiếu sự phối hợp giữa công tác đào tạo với nghiên cứu và phát triển, giữa nghiên cứu và phát triển với sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, mức đầu tư cho KH&CN còn khiêm tốn, nguồn vốn chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Chính vì vậy, trên thực tế chưa hình thành rõ nét thị trường KH&CN.

Để phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục các tồn tại, dự thảo Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành xây dựng giai đoạn 2021 - 2030 đã được xây dựng nhằm đáp ứng tốt hơn đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu phát triển của ngành Xây dựng trong giai đoạn hiện nay.

Dự thảo đề ra mục tiêu tổng quát mức độ phát triển KH&CN ngành Xây dựng phấn đấu ngang tầm khu vực và thế giới trong các lĩnh vực kết cấu và công nghệ xây dựng, vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng, hạ tầng và phát triển đô thị & nông thôn, kinh tế và quản lý xây dựng, hệ thống quy chuẩn- tiêu chuẩn và nguồn nhân lực.

Dự thảo cũng nêu các nhiệm vụ cụ thể trong các lĩnh vực thuộc ngành và các giải pháp về cơ chế chính sách, các chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm nhằm triển khai



Toàn cảnh Hội nghị

thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đó.

Tại Hội nghị, đại diện các đơn vị chức năng thuộc Bộ Xây dựng và các chuyên gia đã đóng góp ý kiến, bổ sung các nội dung trong dự thảo. Các ý kiến chủ yếu tập trung xoay quanh vấn đề hoạt động KH&CN phải gắn chặt với thực tiễn sản xuất và quản lý, các định hướng chung của ngành xây dựng, xu hướng phát triển ngành xây dựng trong 10 năm tới. Một số ý kiến rất cụ thể như: cần bổ sung phần đánh giá hiện trạng của ngành xây dựng làm căn cứ để xây dựng chiến lược sát hơn (trong đó cần đánh giá kỹ các nội dung về nguồn lực KH&CN - đội ngũ người làm công tác nghiên cứu khoa học, bao gồm cả các doanh nghiệp tư nhân trong ngành xây dựng; thị trường KH&CN ngành xây dựng); cần bổ sung phụ lục thực trạng thực hiện kế hoạch KH&CN giai đoạn trước vào nội dung dự thảo. Ngoài ra, dự thảo cần bố cục lại đề cương và rà soát kỹ các mục tiêu đề ra để đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện.

Ninh Hoàng Hạnh

Hội nghị Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 5 năm (2016 - 2020) và định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 5 năm (2021 - 2025)

Ngày 26/12/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 5 năm (2016 - 2020) và định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 5 năm (2021 - 2025) và năm 2021.

Dự và chỉ đạo Hội nghị có Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, các Thứ trưởng Bộ Xây dựng, lãnh đạo các Bộ, ban, ngành Trung ương, các địa phương.

Theo Báo cáo tại Hội nghị do Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị trình bày, trong giai đoạn 2016 - 2020, ngành Xây dựng đã quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội khóa XIV và Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, tập trung xây dựng các chương trình hành động, chương trình công tác toàn khóa và chuyên đề, xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp cụ thể, khả thi và nỗ lực, quyết tâm cao; phối hợp chặt chẽ với các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các Bộ, ngành liên quan và cấp ủy, chính quyền các cấp, tích cực triển khai thực hiện theo chủ trương của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về “Xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân” đạt được nhiều kết quả, chuyển biến tích cực, quan trọng.

Đến nay, ngành Xây dựng đã cơ bản hoàn thành 5 nhóm chỉ tiêu đề ra trong Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể: tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng bình quân đạt từ 8,5% - 8,7%/năm; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40% vào cuối năm 2020; tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2020 đạt khoảng 90%; đến năm 2018, tỷ lệ hộ có nguồn nước hợp vệ sinh ở



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc phát biểu chỉ đạo Hội nghị

thành thị là 99,5%, nông thôn là 90,8%; quy hoạch chung xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn đều đạt 100%; quy hoạch phân khu đạt 78% và quy hoạch chi tiết đạt khoảng 39% so với diện tích đất xây dựng đô thị; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại đô thị năm 2020 đạt khoảng 91%; tỷ lệ thoát nước sạch đến hết năm 2020 ước tính 8%, hoàn thành mục tiêu của Định hướng phát triển cấp nước đề ra.

Các loại sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước và một phần dành cho xuất khẩu. Tổng sản lượng xi măng đến năm 2020 đạt 103 triệu tấn; gạch ốp lát đạt 560 triệu m²; sứ vệ sinh đạt 19 triệu sản phẩm; kính xây dựng đạt 280 triệu m²; gạch xây nung, gạch không nung đạt 30 tỷ viên, đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Bộ Xây dựng đã xác định đúng và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các vấn đề lớn, then chốt, căn cốt để tạo các chuyển biến mạnh mẽ, có tính đột phá của ngành. Đó là luôn coi công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, hoàn thiện công cụ quản lý nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và được tập trung chỉ đạo thực hiện,



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị

hoàn thành khối lượng công việc lớn với nhiều đổi mới. Đến nay, về cơ bản hệ thống chính sách, pháp luật về xây dựng đã tương đối hoàn chỉnh, đầy đủ và đồng bộ với các pháp luật liên quan; đủ sức điều chỉnh các hoạt động trong thực tiễn và góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Bộ Xây dựng đã chủ động tham mưu, trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời tổ chức triển khai có hiệu quả các đề án về hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng; đổi mới lý luận, phương pháp quy hoạch và phát triển đô thị; phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Đây là những đề án có tính quyết định đối với việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của toàn xã hội và của từng công trình, dự án đầu tư xây dựng, góp phần phòng chống tham nhũng và tiêu cực trong hoạt động đầu tư xây dựng, hoàn thiện thị trường xây dựng theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với xu hướng phát triển và thông lệ quốc tế.

Bộ Xây dựng cũng đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Phát triển thị trường bất động sản ổn định, lành mạnh, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đề án cùng các giải pháp tái cơ cấu và kiểm soát thị trường bất động sản. Vì vậy lần đầu tiên trong gần 6 năm



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cùng các đại biểu dự Hội nghị

liên tiếp thị trường bất động sản phát triển ổn định, không có hiện tượng phát triển nóng, “bong bóng” hoặc trầm lắng, suy thoái, đóng góp quan trọng vào mục tiêu về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

Trong 5 năm qua, Bộ Xây dựng đã thực hiện quyết liệt việc cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng: bãi bỏ 5 ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật số 03/2016/QH14 Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư số 67/2014/QH13; bãi bỏ 2 ngành, nghề chồng chéo với pháp luật liên quan; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, đơn giản hóa phần lớn các điều kiện đầu tư kinh doanh của 12 ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực hoạt động xây dựng, nhà ở và thị trường bất động sản; bãi bỏ 7 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư; cắt giảm danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành từ 64 còn 31 sản phẩm (giảm 52%); quy định thời điểm kiểm tra đối với từng sản phẩm, hàng hóa; việc kiểm tra chuyên ngành đã được thực hiện bằng hình thức hậu kiểm. Chỉ số cấp phép xây dựng luôn ở top đầu trong 10 chỉ số môi trường kinh doanh của Việt Nam (theo Báo cáo về môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới).

Với sự năng động sáng tạo và bám sát những chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đến nay năng lực ngành Xây dựng nói chung và các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam có bước phát triển mạnh mẽ, ứng dụng nhanh và làm chủ nhiều công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới. Về cơ bản, ngành Xây dựng đã có thể tự thiết kế, thi công các công trình quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp trong các lĩnh vực công nghiệp, dân dụng, năng lượng... đảm bảo chất lượng công trình xây dựng theo thiết kế được duyệt. Một số doanh nghiệp của ngành đã tham gia thị trường xây dựng ở nước ngoài. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng phát triển mạnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu trong nước, gia tăng xuất khẩu, có một số thương hiệu sản phẩm có uy tín, có khả năng cạnh tranh cao ở trong và ngoài nước.

Trên cơ sở những thành tựu quan trọng đã đạt được của giai đoạn 2016 - 2020, bước sang giai đoạn 2021 - 2025, ngành Xây dựng đề ra các chỉ tiêu phát triển chủ yếu như sau: tốc độ tăng trưởng bình quân ngành Xây dựng đạt từ 6 - 8%/năm; duy trì tỷ lệ 100% phủ kín quy hoạch chung đô thị; tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc đạt khoảng 45%; tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; tỷ lệ hệ thống cấp nước đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đến năm 2025 đạt 75%; tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch tại các đô thị dưới 15%; tỷ lệ thu gom nước thải đạt khoảng 70%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn tại các đô thị loại II trở lên đạt từ 30 - 35% và tại các đô thị loại III, IV, V đạt từ 15-20%; phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước mưa tại đô thị đến năm 2025 đạt 70%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 90%; diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 26 - 27 m² sàn/người; tổng sản lượng xi măng không vượt quá 125 triệu tấn.

Ghi nhận và biểu dương sự nỗ lực, quyết

tâm phấn đấu của tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Xây dựng trong việc triển khai và hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, Thủ tướng Chính phủ đánh giá, đến nay ngành Xây dựng đã cơ bản hoàn thành 5 nhóm chỉ tiêu đề ra trong Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao; các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đều có mức tăng trưởng vượt kế hoạch. Thủ tướng dẫn đánh giá năm 2020 của GlobalData (công ty phân tích dữ liệu hàng đầu thế giới có trụ sở tại Anh): bất chấp khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra, Việt Nam thuộc nhóm quốc gia có ngành Xây dựng phát triển mạnh nhất khu vực châu Á.

Theo Thủ tướng Chính phủ, trong những thành tựu quan trọng đã đạt được, công tác hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính của Bộ Xây dựng đạt kết quả nổi bật. Trong 5 năm, Bộ Xây dựng đã tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền khối lượng lớn văn bản quy phạm pháp luật (107 văn bản), có dự án được đầu tư rất sâu, rất kỹ như Luật Kiến trúc. Bộ cũng mở rộng phân cấp cho các địa phương; thực hiện tích hợp các nội dung, quy trình thẩm định thiết kế xây dựng, giúp giảm thời gian thẩm định 40 ngày; mở rộng đối tượng miễn phép xây dựng, đơn giản hóa hồ sơ cấp phép xây dựng, giúp giảm thời gian cấp phép xây dựng từ 30 xuống còn 20 ngày.

Thủ tướng đặc biệt đánh giá cao nỗ lực của Bộ Xây dựng trong việc xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện có kết quả 2 đề án lớn về hoàn thiện hệ thống định mức, giá xây dựng, và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng; qua đó tạo đột phá trong việc nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư và góp phần phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong đầu tư xây dựng.

Trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo ngành Xây dựng tiếp tục chú trọng công

tác hoàn thiện thể chế về xây dựng và coi đây là nhiệm vụ then chốt, xuyên suốt, mang tính đột phá; đồng thời tập trung nâng cao năng lực, bảo đảm năng lực thiết kế, thi công các công trình xây dựng hiện đại, phức tạp trong các lĩnh vực với mọi quy mô và có khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường hoạt động ra nước ngoài; cần phát triển vật liệu xây dựng, tiết kiệm tài nguyên năng lượng, bảo vệ môi trường, có sản phẩm đa dạng, có chất lượng; hạn chế tối đa việc xuất khẩu vật liệu xây dựng, sử dụng tài nguyên không có khả năng tái tạo như xi măng; quan tâm xây dựng, phát triển nền kiến trúc Việt Nam tiên tiến, hiện đại, có bản sắc dân tộc; phát triển đội ngũ kiến trúc sư có tài năng, bản lĩnh và các công trình kiến trúc tiêu biểu, có giá trị cao.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc mong muốn ngành Xây dựng khơi dậy lòng tự hào, khát vọng cống hiến, hòa chung với khát vọng của cả dân tộc để thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ trong 5 năm tới 2021 - 2025.

Kết thúc Hội nghị, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cảm ơn Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo các Bộ, ban, ngành Trung ương đã tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại Hội nghị, đồng thời cho biết, Bộ Xây dựng sẽ nỗ lực cao nhất, quyết tâm cao nhất, phấn đấu thực hiện và hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra cho năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trần Đình Hà

Xe bus điện tại các thành phố thông minh - xu hướng giao thông công cộng xanh

Trong thời đại mà cư dân đô thị hàng ngày phải đối mặt với tình hình giao thông tắc nghẽn, trì trệ, các phương tiện công cộng trong đó có xe bus là một giải pháp hữu hiệu. Các thành phố thông minh trên thế giới cũng xem xe bus điện là phương tiện sẽ thay thế xe bus truyền thống để giải quyết các vấn đề giao thông. Xe bus điện có chi phí thấp hơn so với xe bus thông thường. Bài viết đưa ra một số loại hình xe bus điện tại một số thành phố thông minh trên thế giới.

Pháp: hệ thống BRT đầu tiên

Thành phố Amiens ở miền Bắc nước Pháp đã có một đội xe gồm 43 xe bus điện trong thành phố. Các xe bus đang chạy trên ba trong số bốn tuyến đường BRT, được gọi là "Nemo". Bốn tuyến bus này được xác định là xương sống của mạng lưới giao thông công cộng Amiens. Các xe bus sẽ hoạt động ở các địa điểm chính, gồm có tổ hợp bệnh viện, trường

đại học, khu dân cư và các cơ sở giải trí.

Theo nhà điều hành giao thông công cộng Keolis, hệ thống BRT cũng là một trong những hệ thống xe điện ở Pháp, có vai trò quan trọng trong hệ thống giao thông, được dự đoán sẽ tăng 28% lượng hành khách trong nửa thập kỷ tới.

Những chiếc bus điện do công ty Irizar của Tây Ban Nha sản xuất. Mỗi xe có sức chứa lên đến 151 hành khách. Nhờ công nghệ, các xe đều thân thiện môi trường, tiết kiệm chi phí, êm ái và không gây tiếng ồn trên đường. Xe bus điện có hệ thống sạc độc đáo bảo đảm sạc nhanh tại điểm dừng xe buýt, cho phép hoàn tất việc tiếp nhiên liệu cho các thiết bị trong vòng 4-5 phút khi chạy trên đường. Ngoài ra, xe có thể sạc chậm vào ban đêm, mất 3-4 giờ cho 100% công suất.

Để đảm bảo việc quản lý và bảo trì bus điện cũng như nâng cao kỹ năng của người dân, Keolis đã thực hiện kế hoạch đào tạo cho hơn

300 tài xế và nhân viên làm việc tại trạm điều khiển trung tâm. Ngoài ra, trung tâm vận hành và bảo dưỡng mới được chứng nhận HQE đã được thành lập để chứa 155 xe ở ngoại ô thành phố. Để hỗ trợ phương tiện vận chuyển mới, một hệ thống bán vé mới chấp nhận thanh toán sau sẽ được triển khai, giúp hành trình di chuyển hợp lý hơn; hệ thống phí mới sẽ tùy thuộc vào thu nhập của hành khách.

Xe bus 2 tầng chạy bằng khí hydro đầu tiên trên thế giới

Các bus 2 tầng chạy bằng khí hydro đầu tiên trên thế giới sẽ bắt đầu chạy trên đường phố London vào năm 2020. Đây là nỗ lực của Thị trưởng Sadiq Khan trong việc giảm bớt mức ô nhiễm không khí trong thành phố, đồng thời cải thiện trải nghiệm của hành khách. Sáng kiến này phù hợp với việc triển khai khu vực phát thải cực thấp của thành phố, nơi các xe buýt và phương tiện ô nhiễm nhất phải trả phí 100 bảng Anh /ngày khi di chuyển trên đường.

Theo Sở Giao thông vận tải London, xe bus chạy bằng năng lượng hydro hoàn toàn thân thiện môi trường, bởi chạy bằng hydro do các trang trại gió ngoài khơi North Kent cung cấp, và thải ra nước làm khí thải duy nhất. Tính đến thời điểm hiện tại, Sở Giao thông vận tải London đã đặt hàng 20 chiếc bus với trị giá 500 nghìn bảng Anh/chiếc. Tổng chi phí của đội xe cùng cơ sở hạ tầng tiếp nhiên liệu ước tính 12 triệu bảng. Xe bus sẽ được sản xuất bởi công ty Wrightbus ở Bắc Ireland, Vương quốc Anh.

Đội xe bus 1 tầng đã hoạt động ở trung tâm London, ở Aberdeen và Brighton. Song đây là lần đầu tiên trên thế giới, xe bus 2 tầng chạy bằng năng lượng xanh. Để nâng cao trải nghiệm của hành khách, xe bus sẽ có điểm sạc USB đồng thời đảm bảo chuyến đi êm ái và nhẹ nhàng hơn. Một ưu điểm nữa là khả năng tiếp nhiên liệu nhanh chóng hơn so với các loại xe

chạy bằng pin tiêu chuẩn vốn có những nhược điểm nhất định. Xe bus mới chỉ cần 5 phút nạp năng lượng trong một ngày và có thể chạy trên các tuyến đường dài. Theo Claire Mann - Giám đốc điều hành xe bus của Sở Giao thông vận tải London, xe bus chạy bằng hydrogen linh hoạt hơn, thân thiện môi trường và tốt cho sức khỏe cộng đồng.

Xe buýt điện tại Argentina

Argentina - quốc gia Mỹ Latinh cũng có đội xe bus chạy hoàn toàn bằng điện, hoạt động trên tuyến xuyên biên giới từ Chile đến điểm cuối cùng ở thành phố Mendoza vào cuối năm 2019.

Hệ thống BRT ở quốc gia này do Chính phủ liên bang quản lý, đã có những bước phát triển theo hướng thân thiện với môi trường, và thu hút được 60% cư dân sử dụng. Đội xe bus mới sẽ góp phần giảm thiểu chi phí vận hành, giảm phát thải và ô nhiễm tiếng ồn, sớm thay thế những chiếc xe bus ồn ào thông thường hiện đang hoạt động. Bus mới giúp nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, phục vụ các hành khách với rất nhiều công nghệ mới. Dự án do STM dẫn đầu, được hỗ trợ bởi công ty xe bus Andesmar có trụ sở tại Argentina và công ty ô tô BYD. Xe bus sẽ được cung cấp năng lượng bởi pin lithium iron phosphate không độc hại, chống cháy, ổn định nhiệt so với pin lithium-ion dễ bắt lửa. Điều đáng chú ý là các pin này có thể sạc lại chỉ trong vài phút hoặc thậm chí vài giây.

Những quốc gia có đội xe buýt điện lớn nhất

Việc triển khai đội xe bus điện và cơ sở hạ tầng liên quan sẽ giúp giảm đáng kể lượng khí thải carbon trong các thành phố thông minh trên khắp thế giới.

Trung Quốc có gần 421 nghìn bus chạy bằng điện trong tổng số 425 nghìn xe bus điện đang hoạt động trên thế giới, trong khi châu Âu chỉ có 2250 xe bus điện (theo Bloomberg NEF).

BNEF cũng công bố: đội xe bus điện công cộng của Trung Quốc dự kiến sẽ đạt hơn 600 nghìn xe vào năm 2025, trong khi Mỹ dự kiến có 5000. Sự phát triển nhanh chóng của bus điện ở Trung Quốc là do chính sách triển khai thực hiện của quốc gia này. Trung Quốc đang áp dụng cách tiếp cận từ trên xuống đối với điện khí hóa các phương tiện giao thông, bao gồm tập trung thiết lập các nhiệm vụ quốc gia, tài trợ cho các nhà sản xuất và duy trì chính sách cạnh tranh giữa các thành phố. Chính phủ

Trung Quốc đã có chính sách hỗ trợ cho mạng lưới xe điện công cộng tại đây.

Trong tương lai, hi vọng các quốc gia và các thành phố thông minh khác có thể triển khai hệ thống xe bus điện từ các kinh nghiệm của Trung Quốc.

<https://www.smartcity.press/electric-buses-in-smart-cities/>

ND: Mai Anh

Thực tiễn phân loại rác thải sinh hoạt tại nông thôn Trung Quốc

Cải thiện môi trường sống ở nông thôn, đẩy mạnh xây dựng nông thôn giàu đẹp, triển khai mạnh mẽ chiến lược chỉnh trang nông thôn là những biện pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu xây dựng văn minh sinh thái trong toàn Trung Quốc. Làm tốt công tác phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn là công việc cơ bản và quan trọng để cải thiện dân sinh, bảo vệ môi trường, thúc đẩy xây dựng nông thôn giàu đẹp. Trong những năm qua, nhiều địa phương trong cả nước đã tích cực đẩy mạnh công tác phân loại, thu gom, trung chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; xuất hiện nhiều mô hình kinh nghiệm xuất sắc; bên cạnh đó, cũng còn một số vấn đề chưa phù hợp với thực tế cuộc sống. Đặc biệt, tại các vùng nông thôn, do lãnh thổ rộng lớn, đặc thù khí hậu địa lý, mật độ dân số nông thôn, phong tục tập quán của người dân, điều kiện sản xuất nông nghiệp rất khác nhau, thành phần rác thải sinh hoạt nông thôn của Trung Quốc rất phức tạp, thói quen xả rác, thu gom, xử lý cũng khác biệt... đưa tới sự đa dạng trong phương pháp và mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại khu vực nông thôn Trung Quốc.

Thực tế tại các địa phương cho thấy: mặc dù

rác thải sinh hoạt nông thôn đa dạng, nhưng có thể phân thành 3 loại lớn là rác thải thực phẩm, rác thải vệ sinh gia đình, rác thải từ bao bì và sử dụng các sản phẩm phục vụ sinh hoạt. Tuy nhiên, do sự khác biệt về địa lý nên tình hình rác thải tại các địa phương cũng có sự khác biệt rất lớn.

Hiện tại, phương thức phân loại rác thải tại Trung Quốc gồm có: phương pháp phân chia 4 loại rác thải (rác có thể tái chế, rác thải có hại, rác thải nhà bếp, rác thải khác), phương pháp 2 lần phân loại với 4 loại rác thải (tức là, các hộ dân nông thôn phân loại bước đầu theo tiêu chí “có thể phân hủy” và “không thể phân hủy”; sau đó rác thải sẽ được các nhân viên thu gom tiếp tục phân chia lượng rác không thể phân hủy thành 3 loại là rác có thể tái chế, rác thải độc hại và rác thải khác), phương pháp 2 lần phân loại với 3 loại rác thải (các hộ phân loại; phân loại sơ lược rác thải có thể tái chế và không thể tái chế; thôn (tổ) sẽ phân loại xử lý rác thải có thể phân hủy, rác thải có thể tái chế và rác thải không thể tái chế), phương pháp 2 loại rác thải (rác thải có thể tái chế và rác thải không thể tái chế). Ngoài ra, còn có một số phương pháp

tương tự khác phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành cụ thể, vẫn tồn tại một số trường hợp không thể xử lý được.

Có thể thấy, việc phân loại rác thải sinh hoạt nông thôn vừa phức tạp vừa đơn giản. Phức tạp ở chỗ có sự khác biệt lớn về khu vực, nguồn gốc rác thải sinh hoạt rộng nên không thể có một quy phạm chung trong toàn vùng hay toàn quốc, thậm chí ngay trong khu vực huyện (thành phố) cũng cần cho phép phân loại khác nhau. Chỉ cần giảm thiểu lượng rác thải từ đầu nguồn, xử lý riêng biệt rác thải, phế thải, tránh để lẫn vào hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt thường ngày, xử lý tập trung các loại rác thải khác, việc phân loại rác có thể đơn giản hóa.

Phân loại rác thải sinh hoạt nông thôn cần tuân thủ nguyên tắc tăng cường chỉ đạo, thống nhất quản lý. Công tác này hiện nay vẫn đang trong giai đoạn từng bước mở rộng; sự thiếu cân đối về điều kiện kinh tế xã hội của các khu vực nông thôn đã ảnh hưởng rất lớn tới việc thực thi cụ thể việc phân loại rác thải sinh hoạt nông thôn, do đó cần tăng cường vai trò lãnh đạo của chính quyền. Đây cũng là một nhiệm vụ công ích xã hội, cần dựa vào cơ chế thống nhất từ các cấp chính quyền để thực hiện quản lý. Trong công tác mở rộng phân loại rác thải sinh hoạt, cần tăng cường tính chủ động, tính tự giác, tạo thói quen phân loại rác thải sinh hoạt tự giác cho cư dân nông thôn; nâng cao trách nhiệm của cán bộ cơ sở đối với việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt để tạo thành sự thống nhất giữa các cấp. Cách làm này không những tăng cường việc phân loại rác thải mà còn tích cực thúc đẩy việc thu gom phân loại, vận chuyển xử lý, góp phần xây dựng nông thôn văn minh, sinh thái và tươi đẹp.

Phân loại rác thải sinh hoạt nông thôn cần tuân thủ các nguyên tắc tối thiểu hóa lượng rác

thải, tài nguyên hóa một cách hợp lý, và xử lý vô hại hóa. Người dân không thống nhất trong các hoạt động phân loại rác thải, do đó cần giúp họ nâng cao tính tự giác trong phân loại rác thải sinh hoạt, nắm vững yêu cầu cơ bản trong việc giảm thiểu rác thải sinh hoạt từ đầu nguồn.

Phân loại rác thải sinh hoạt nông thôn cần tuân thủ nguyên tắc phù hợp với điều kiện của địa phương và có hiệu quả thiết thực. Tại Trung Quốc, khí hậu và thói quen sinh hoạt của khu vực phía Nam và phía Bắc rất khác nhau. Chẳng hạn, tại khu vực nông thôn Trát Lại Đặc Kỳ, Nội Mông Cổ, thuộc khu vực miền Bắc Trung Quốc, ngoài các loại rác thải cống kênh, rác thải sinh hoạt hàng ngày đa phần là tro xỉ, rác sinh hoạt và rác thải thực phẩm. Trong khi đó, tại vùng nông thôn Giang Hoa, Hồ Nam, thuộc phía Nam Trung Quốc, ngoài các loại rác thải cống kênh còn có rác vệ sinh gia đình, rác thải thực phẩm, một số lượng lớn rác thải sau bảo quản và chế biến nông sản và rác thải sinh hoạt. Vì vậy, không chỉ miền Nam và miền Bắc, mà các huyện (thành phố) khác nhau đều cần đưa ra các quy định phân loại phù hợp với nhu cầu thực tế và dựa trên điều kiện thực tế của địa phương.

Việc phân loại rác thải sinh hoạt nông thôn cần tuân thủ nguyên tắc có mức độ phù hợp, thao tác dễ dàng. Cùng với sự phát triển kinh tế đất nước, kinh tế nông thôn Trung Quốc cũng phát triển, điều kiện sống của người nông dân được cải thiện rất nhiều, tuy nhiên thành phần rác thải sinh hoạt ngày càng trở nên phức tạp. Ví dụ có một làng thực hiện phương pháp hai lần phân loại với 4 loại rác thải để xử lý rác thải sinh hoạt. Kiểu quy định phân loại rác thải này thực sự rất chi tiết, tuy nhiên nhân viên thu gom rác lại gặp khó khăn trong thao tác phân nhỏ rác đã được tập trung. Chính vì vậy, việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nông thôn không nên phân chia quá nhỏ để tránh gặp khó khăn khi thao

tác; thay vào đó, trên cơ sở giảm lượng rác thải từ đầu nguồn, trừ rác thải đưa đến trạm (điểm) tái chế, rác thải vệ sinh sinh hoạt hàng ngày khác, rác thải thực phẩm, rác thải sinh hoạt đều nên được thu gom, xử lý như các loại rác khác.

Công tác phân loại rác thải sinh hoạt nông thôn có liên quan tới hàng nghìn hộ gia đình, đây vừa là thách thức trong thói quen sinh hoạt truyền thống, vừa thể hiện sự tiến bộ văn minh xã hội. Cùng với sự phát triển không ngừng của

nền kinh tế, sự hoàn thiện và tối ưu hóa trong các biện pháp cơ chế quản lý, sự nâng cao trình độ dân trí của người dân, chắc chắn công tác phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn Trung Quốc sẽ trở thành một xu thế xã hội mới.

Trần Hướng Dương

Báo Xây dựng Trung Quốc, tháng 12/2020

ND: Kim Nhạn

HỘI NGHỊ CẤP CAO MẠNG LƯỚI ĐÔ THỊ THÔNG MINH ASEAN - NHẬT BẢN LẦN THỨ 2

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2020



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đồng chủ trì hội nghị cấp cao Mạng lưới đô thị thông minh ASEAN - Nhật Bản lần thứ 2



Tổng Thư ký ASEAN Lim Jock Hoi phát biểu trực tuyến tại hội nghị